

**MARITIME
BANK**



Vững Nền Tảng, Chắc Tương Lai

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN • 2015

NỘI DUNG

4 GIỚI THIỆU CHUNG

6 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

- 9 • Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 11 • Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 12 • Tổng quan hoạt động năm 2015
- 14 • Dịch vụ tài chính - ngân hàng dành cho khách hàng Cá nhân
- 16 • Dịch vụ tài chính - ngân hàng dành cho khách hàng Doanh nghiệp
- 18 • Hoạt động kinh doanh nguồn vốn, ngoại hối và dịch vụ dành cho khách hàng Định chế tài chính

20 CON NGƯỜI & CỘNG ĐỒNG

- 22 • Phát triển nhân lực
- 24 • Giải thưởng và danh hiệu
- 27 • Trách nhiệm cộng đồng

28 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 29 • Mô hình quản trị ngân hàng
- Thông tin Ban Lãnh đạo
 - 31 • *Hội đồng Quản trị*
 - 33 • *Ban Kiểm soát*
 - 35 • *Hội đồng Điều hành*
- 38 • Trách nhiệm của Hội đồng Điều hành đối với BCTC hợp nhất
- 40 • Quản trị rủi ro, đảm bảo sự phát triển vững bền
- 43 • Sơ đồ quản trị rủi ro tại Maritime Bank

44 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

102 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

*“ Xây dựng một ngân hàng
tốt đến mức ai cũng muốn tham gia
và không ai muốn rời bỏ ”*

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MARITIME BANK

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) được thành lập ngày 12 tháng 7 năm 1991 tại thành phố cảng Hải Phòng. Năm 2005, Ngân hàng chính thức chuyển Hội sở lên Hà Nội, mở đầu một giai đoạn phát triển mới với phạm vi hoạt động được mở rộng đáng kể. Sau 24 năm không ngừng phát triển, Maritime Bank hiện đã vươn tới vị trí là một trong 5 ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất tại Việt Nam, sau khi chính thức nhận sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông ngày 12/8/2015, với giá trị tổng tài sản 104.311 tỷ đồng, vốn điều lệ 11.750 tỷ đồng, mạng lưới gần 300 chi nhánh, phòng giao dịch và gần 500 máy ATM trên toàn quốc.

Tầm nhìn và chiến lược

Với tầm nhìn trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam, Maritime Bank đã xác định sứ mệnh quan trọng là xây dựng một ngân hàng tốt đến mức ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ.

Dựa trên 3 thế mạnh nền tảng: tiềm lực tài chính vững mạnh, mạng lưới chi nhánh phòng giao dịch rộng khắp và đội ngũ nhân viên thân thiện, gắn kết, chiến lược nền tảng của chúng tôi là tiếp tục phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh sẵn có để mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, nhà cung cấp, cộng đồng và tập thể CBNV của Ngân hàng trong mỗi việc chúng tôi làm.

Với tầm nhìn và chiến lược nền tảng được xác định rõ ràng, Ngân hàng chúng tôi đã và đang chú trọng triển khai thực hành bộ Giá Trị Cốt Lõi trong từng hoạt động. Đây được xem là một hành động quan trọng trên lộ trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thân thiện, minh bạch và hiệu suất cao tại Maritime Bank, tạo nền tảng vững chắc cho những bước phát triển nhanh và bền vững trong những năm sắp tới.

Chắc nền tảng, vững bước phát triển trong tương lai

Maritime Bank hướng tới việc xây dựng một ngân hàng giao dịch thuận tiện – tin cậy – thân thiện, được khách hàng ưu tiên lựa chọn bởi những lợi ích vượt trội từ việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng được thiết kế phù hợp, đáp ứng nhu cầu

của từng phân khúc, từ khách hàng cá nhân khu vực thành thị tới nông thôn, từ khách hàng doanh nghiệp nhỏ, vừa tới khách hàng doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính.

Ngân hàng chúng tôi đã và đang không ngừng đầu tư nâng cấp hệ thống nền tảng công nghệ hiện đại, cải tiến sản phẩm và chất lượng dịch vụ trên cơ sở am hiểu nhu cầu khách hàng; chú trọng đầu tư phát triển đội ngũ, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu suất cao và đặc biệt, quan tâm xây dựng mô hình quản trị ngân hàng và quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, đảm bảo sự phát triển an toàn và bền vững.

Hiện nay, với mạng lưới gần 300 chi nhánh, phòng giao dịch và gần 500 ATM trên toàn quốc, Maritime Bank đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng với nhiều lợi ích vượt trội, nhận được sự tin tưởng sử dụng của trên 1,3 triệu khách hàng cá nhân, 30.000 khách hàng doanh nghiệp và các định chế tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những thế mạnh nền tảng vững chắc, định hướng chiến lược rõ ràng, sự dẫn dắt của đội ngũ lãnh đạo trong và ngoài nước giàu kinh nghiệm, tràn đầy nhiệt huyết cùng đội ngũ nhân viên trẻ trung, năng động, chuyên nghiệp, chúng tôi sẽ triển khai xuất sắc mỗi hoạt động để mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng và đối tác, hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam trong tương lai.



Tầm nhìn

TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG TMCP
TỐT NHẤT VIỆT NAM



Sứ mệnh

**XÂY DỰNG MỘT NGÂN HÀNG
TỐT ĐẾN MỨC
AI CŨNG MUỐN THAM GIA VÀ
KHÔNG AI MUỐN RỜI BỎ**



Giá trị cốt lõi

TRÁCH NHIỆM
& LIÊM CHÍNH

Cởi mở &
ĐOÀN KẾT

THẤU HIỂU
KHÁCH HÀNG

TRIỂN KHAI
XUẤT SẮC

LIÊN TỤC
CẢI THIỆN

TUÂN THỦ
QUY ĐỊNH

TRÁCH NHIỆM
CỘNG ĐỒNG



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

**TIME
BANK**





THÔNG ĐIỆP TỪ
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị cổ đông và đối tác,

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc với tốc độ tăng trưởng GDP đạt gần 6,7%, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều thách thức khó khăn khi những lĩnh vực kinh tế quan trọng như xuất khẩu nông sản, thủy sản và dầu thô có nhiều biến động ảnh hưởng tới nguồn thu ngân sách Nhà nước. Cùng với đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam trong năm chứng kiến nhiều thương vụ sáp nhập nhằm lành mạnh hóa và nâng cao chuẩn mực quản trị vận hành ngân hàng, hướng tới mục tiêu an toàn và phát triển bền vững, làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

Trong bối cảnh đó, Maritime Bank năm 2015 tiếp tục đầu tư vào việc củng cố và xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững và hiệu quả.

Trong năm 2015, Maritime Bank chính thức nhận sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (MDB) và hoàn tất việc mua lại Công ty Tài chính CP Dệt May Việt Nam (TFC). Đây không chỉ là sự kiện lớn nhất năm mà còn là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của Ngân hàng. Maritime Bank qua đó được bổ sung nguồn lực đáng kể với vốn điều lệ tăng từ 8.000 tỷ đồng lên 11.750 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động tăng từ 221 lên 270 điểm giao dịch trên cả nước, đưa Ngân hàng vào Top 5 Ngân hàng có vốn điều lệ và mạng lưới lớn nhất trong nhóm các ngân hàng TMCP ngoài quốc doanh tại Việt Nam.

Ngay sau khi hoàn tất 2 thương vụ sáp nhập MDB và mua lại TFC giúp Maritime Bank nâng cao năng lực cạnh tranh và tiềm lực tài chính, để hướng tới những mục tiêu và thành công lớn hơn, tháng 10/2015, Hội đồng Quản trị cũng đã lựa chọn và bổ nhiệm ông Huỳnh Bửu Quang làm Tổng Giám đốc Maritime Bank. Ông Huỳnh Bửu Quang có kinh nghiệm gần 20 năm làm việc tại Ngân hàng HSBC, kinh qua nhiều vị trí, là lãnh đạo cấp cao của HSBC Châu Á Thái Bình Dương..., một người lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm, thấu hiểu thị trường Việt Nam. Với tư duy sáng tạo, phong cách quyết đoán, ông được kỳ vọng sẽ sát cánh cùng đội ngũ lãnh đạo điều hành giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước hiện nay của Maritime Bank, dẫn dắt Ngân hàng đạt được những thành công to lớn hơn, đưa Maritime Bank trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam trong 5 năm tới.

Năm 2015 cũng ghi nhận một sự kiện quan trọng khác, đó là việc Maritime Bank, cùng với 9 ngân hàng lớn khác tại Việt Nam, được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn triển khai mô hình quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II. Maritime Bank đã chính thức thành lập Trung tâm Basel II để quản lý và giám sát chung việc triển khai chương trình trên toàn ngân hàng nhằm đảm bảo sự thành công trong việc triển khai Chuẩn mực an toàn vốn Basel II theo đúng lộ trình đã đặt ra trong năm 2015. Đây là một trong những hoạt động

quan trọng nhằm gia tăng hơn nữa năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng, bảo đảm tối đa quyền lợi của khách hàng và các cổ đông.

Điều mà tôi tin tưởng nhất, cũng tự hào nhất ở Maritime Bank chính là đội ngũ nhân sự. Hiện tại, với việc bổ sung thêm nhân sự cấp cao mới, Maritime Bank đang có một đội ngũ Hội đồng Điều hành với những chuyên gia trong và ngoài nước không chỉ đầy đủ đạo đức, năng lực, kiến thức và kinh nghiệm mà còn đầy nhiệt huyết. Tôi cho rằng, đội ngũ “tinh nhuệ” ấy thực sự là “nguồn vốn” quan trọng và quý giá nhất của Ngân hàng, có khả năng hiện thực hóa định hướng của Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng một ngân hàng hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả.

Đặc biệt, nhân cơ hội này, tôi xin gửi lời cảm ơn tới những cổ đông và đối tác đã tin tưởng và ủng hộ Maritime Bank trong thời gian qua. Sự cam kết ủng hộ của đông đảo cổ đông trong quyết định tái đầu tư liên tục vào các thể mạnh nền tảng của Ngân hàng, hướng tới sự phát triển ổn định và bền vững, chắc chắn sẽ mang lại lợi ích lâu dài cho các cổ đông, khách hàng và CBNV trong đại gia đình Maritime Bank.

Trong năm 2016, với cam kết tiếp tục đầu tư cho chiến lược phát triển hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam trong 5 năm tới, Hội đồng Quản trị đã quyết định dành 203 tỷ đồng đầu tư cho những dự án chiến lược nền tảng. Điều này sẽ hỗ trợ hiệu quả để Maritime Bank có thể tiếp tục phát triển một cách ổn định, vững chắc trong cả giai đoạn thuận lợi và khó khăn chung của nền kinh tế vĩ mô.

Tôi tin tưởng rằng, với sự hỗ trợ từ Hội đồng Quản trị, những thế mạnh nền tảng đã và đang được xây dựng, củng cố cùng mô hình quản trị ngân hàng hiệu quả, đội ngũ nhân sự lãnh đạo giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết, Maritime Bank dưới sự dẫn dắt của Tổng Giám đốc Huỳnh Bửu Quang sẽ hoàn thành xuất sắc những chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2016 và trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam trong tương lai không xa.

Trân trọng,



Trần Anh Tuấn
CHỦ TỊCH HĐQT



THÔNG điệp TỪ
TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi các Quý vị cổ đông, đối tác và khách hàng,

Trước tiên, tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến quý cổ đông, đối tác và khách hàng đã gắn bó hỗ trợ Maritime Bank trong suốt những năm qua.

Trước khi tham gia vào Maritime Bank, tôi đã có khoảng thời gian gần 20 năm công tác tại Tập đoàn HSBC ở Việt Nam và các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Trong suốt khoảng thời gian này, ngành ngân hàng tại Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm khác nhau theo từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế. Trong số những ngân hàng TMCP Việt Nam được thành lập từ thuở ban đầu sau khi Pháp lệnh Ngân hàng ra đời vào năm 1990, Maritime Bank nổi lên như một tên tuổi lớn với bề dày lịch sử hoạt động lâu đời, mạng lưới chi nhánh rộng và được sự ủng hộ, tin tưởng của rất nhiều khách hàng, đối tác và cổ đông. Trong những năm gần đây, Maritime Bank được xem như một đơn vị tiên phong trong việc xây dựng mô hình ngân hàng hiện đại, chuyên nghiệp và thân thiện với khách hàng. Maritime Bank cũng được biết đến như một ngân hàng có đội ngũ nhân sự mạnh, quy tụ các thành viên lãnh đạo uy tín, giàu kinh nghiệm cùng đội ngũ CBNV trẻ, nhiệt huyết. Đặc biệt, Ngân hàng có được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Hội đồng Quản trị với tầm nhìn xa trông rộng, lấy mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm. Chính vì vậy, tôi đã quyết định gia nhập Maritime Bank. Tôi tự tin với lựa chọn của mình và tự hào khi được trở thành một thành viên của đại gia đình Maritime Bank.

Năm 2015 có thể nói là năm bản lề của Maritime Bank. Với việc mua lại TFC và sáp nhập thành công MDB, Maritime Bank đã vươn lên Top 10 các ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam về vốn tự có và mạng lưới chi nhánh. Đây được xem là hai trong số ba lợi thế cạnh tranh của Maritime Bank trên thị trường. Lợi thế cạnh tranh còn lại chính là môi trường làm việc thân thiện và trong sạch của Ngân hàng. Với những nền tảng đã được xây dựng trong thời gian vừa qua, Hội đồng Quản trị đặt ra tầm nhìn cho Hội đồng Điều hành là đưa Maritime Bank trở thành ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam trong vòng 5 năm tới.

Tầm nhìn này được lượng hóa bằng các chỉ tiêu về giá trị thương hiệu, tỷ suất lợi nhuận và sức mạnh tài chính. Về chất, tầm nhìn mà Hội đồng Quản trị đặt ra sẽ được xem là hoàn thành khi Maritime Bank trở thành "một ngân hàng tốt đến mức ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ". Đây cũng chính là sứ mệnh mà tôi và các thành viên trong Hội đồng Điều hành tự đặt ra cho mình khi làm việc tại Maritime Bank.

Để từng bước hoàn thành sứ mệnh này, trong năm 2016, chúng tôi sẽ thực hiện những công việc chính như sau:

1. Thiết lập, truyền thông và đưa vào thực hiện 7 giá trị cốt lõi nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp tốt, một nền tảng trọng yếu để đảm bảo Maritime Bank có thể phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn sắp tới;
2. Tăng cường xây dựng hình ảnh thương hiệu của Maritime Bank trên thị trường, hướng đến những đối tượng khách hàng mục tiêu;
3. Triển khai 12 dự án công nghệ và 2 dự án tuân thủ quan trọng để tăng cường năng lực phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, quản trị rủi ro và tự động hóa các quy trình, dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng, đảm bảo mang đến trải nghiệm tốt nhất cho người sử dụng dịch vụ;
4. Liên tục cải thiện, đơn giản hóa và hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực quản trị rủi ro;
5. Tập trung phát triển các phân khúc khách hàng mục tiêu, mở rộng và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ;
6. Đẩy mạnh công tác huấn luyện, đào tạo nhằm mở rộng và nâng cao các kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ CBNV; Xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, trong sạch và năng động cùng văn hóa làm việc hiệu suất cao;
7. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức để đảm bảo vận hành hiệu quả hơn, cung cấp chất lượng dịch vụ tốt và đồng bộ trên toàn hệ thống;
8. Tiếp tục tích cực xử lý những khoản nợ xấu, nợ có rủi ro cao.

Tại thời điểm mà quý cổ đông, đối tác và khách hàng đọc được những dòng chữ này thì những định hướng tương lai và kế hoạch hành động của Maritime Bank trong năm 2016 đã được truyền thông và đưa vào triển khai trên toàn hệ thống. Với định hướng chiến lược phát triển rõ ràng cùng sự đồng lòng hợp lực của toàn thể đội ngũ nhân sự giàu nhiệt huyết và quyết tâm triển khai xuất sắc trong từng hoạt động, tôi tin tưởng rằng Maritime Bank sẽ thực hiện thành công kế hoạch 2016, từng bước bồi đắp thêm những lợi thế cạnh tranh để dần hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và hỗ trợ của quý cổ đông, đối tác và khách hàng. Chúc quý vị dồi dào sức khỏe!



Huỳnh Bửu Quang
TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

Năm 2015, Maritime Bank đã có nhiều sự kiện quan trọng: nhận sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (MDB) và mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam (TFC). Sau khi hợp nhất, Ngân hàng đã tập trung tối đa nguồn lực để củng cố hệ thống, nâng cao chất lượng vận hành, bảo đảm mọi hoạt động đều trơn tru, không bị gián đoạn, đồng thời tiếp tục đề cao việc quản trị rủi ro song hành cùng các hoạt động kinh doanh, hướng tới sự phát triển ổn định, tạo nền tảng vững chắc cho những thành công tiếp tới.

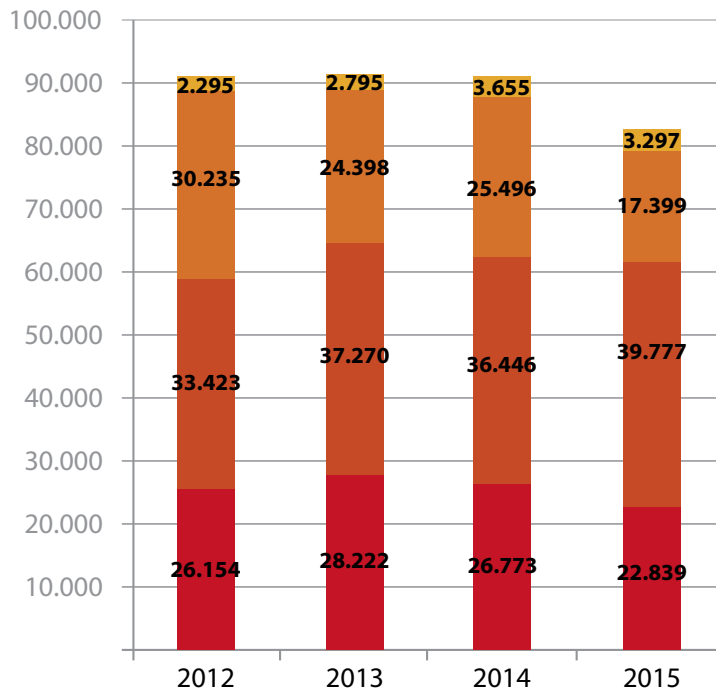
Cụ thể, năm 2015, Maritime Bank đã đạt được một số thành tựu cơ bản như sau:

1. Bảng cân đối kế toán: Ngân hàng tiếp tục giữ nguyên quy mô của bảng cân đối kế toán nhưng thực hiện cơ cấu lại để quản trị tốt hơn hiệu quả của bảng cân đối kế toán. Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm tương đương mức của năm trước, đạt 104.311 tỷ đồng. Trong đó, cho vay khách hàng tăng 19,5%, tiền gửi khách hàng giữ ổn định, vốn chủ sở hữu tăng 44%. Việc tăng vốn chủ sở hữu càng củng cố thêm hệ số an toàn vốn cho Ngân hàng, vốn đã rất tốt trước khi nhận sáp nhập, cũng như tạo nền móng cho sự tăng trưởng của năm 2016 và những năm tiếp theo.

2. Cho vay khách hàng: Sau khi tái cơ cấu danh mục vào năm 2013 - 2014, bắt đầu từ giữa năm 2015, Maritime Bank đã có sự tăng trưởng đáng kể trong cho vay khách hàng, đến thời điểm cuối năm đã đạt 28.091 tỷ đồng, tăng 19,5% so với đầu năm với

sự thay đổi cả về chất và lượng. Cho vay khách hàng cá nhân đã có mức tăng trưởng ấn tượng với số dư cuối kỳ tăng 2,6 lần so với đầu năm ở cả 2 mảng cho vay thế chấp và tín chấp. Cho vay khách hàng doanh nghiệp đã được cơ cấu lại với khoảng 30% danh mục được thay thế bằng các khoản nợ chuẩn theo chương trình tín dụng của Ngân hàng, hứa hẹn sẽ mang lại mức sinh lời cao cũng như sự an toàn trong hoạt động. Nợ quá hạn được kiểm soát chặt chẽ với số dư cuối kỳ giảm 10% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu luôn ở mức dưới 3%, đảm bảo tuân thủ theo quy định về phân loại nợ của Ngân hàng Nhà nước.

3. Tiền gửi khách hàng: Tiền gửi khách hàng được duy trì ổn định, trong đó cơ cấu tiền gửi biến động theo hướng tích cực: Tăng tiền gửi của khách hàng cá nhân với số lượng tiền gửi nhỏ, ít



- Phát hành giấy tờ có giá
- Tiền gửi các TCTD khác
- Cá nhân
- Doanh nghiệp

Biểu đồ: Cơ cấu huy động của Ngân hàng (2012 - 2015)
Đơn vị: Tỷ đồng

biến động; giảm tiền gửi khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp lớn, tạo sự ổn định cho nguồn vốn của Ngân hàng. Tiền gửi của khách hàng cá nhân tại thời điểm cuối năm 2015 đã đạt mức 39.777 tỷ đồng, chiếm 63% tổng tiền gửi của khách hàng, tăng 9,4% so với số đầu năm.

4. Vốn chủ sở hữu và hệ số an toàn vốn: Cùng với việc nhận sáp nhập MDB trong năm 2015, vốn chủ sở hữu của Ngân hàng tăng 44% so với đầu năm, đạt mức 13.616 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13% tổng nguồn vốn của Ngân hàng. Nhờ vào việc tăng vốn chủ sở hữu và cơ cấu lại tài sản, hệ số CAR tại các thời điểm của Ngân hàng đều cao hơn nhiều so với mức giới hạn tối thiểu (9%) theo quy định. Tại thời điểm 31/12/2015, hệ số CAR của Maritime Bank đạt 24,53%, tăng 8,8% so với số đầu năm, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng của Ngân hàng trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

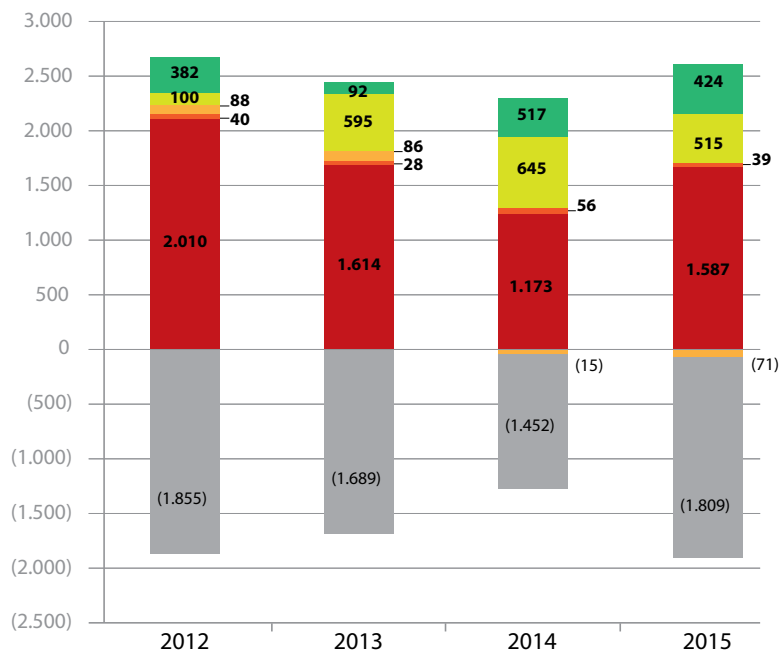
5. Kết quả hoạt động kinh doanh: Tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng tăng 14,6%, trong đó, thu nhập lãi thuần tăng 35% do tăng trưởng cho vay khách hàng, giảm nợ xấu cũng như cơ cấu tốt tài sản, nguồn vốn huy động. Một số hoạt động khác như đầu tư chứng khoán, góp vốn mua cổ phần, hoạt động kinh doanh khác vẫn duy trì mức lợi nhuận tốt, đóng góp 39% vào tổng thu nhập hoạt động. Tuy nhiên, do việc nhận sáp nhập MDB, kéo theo việc cơ cấu lại 49 chi nhánh, PGD, chi phí hoạt động của năm 2015 đã tăng 24,5% so với năm 2014. Chi phí này đã có xu hướng giảm vào

c cuối năm, sau khi hoàn thành việc sáp nhập cũng như tái cơ cấu lại bộ máy quản lý điều hành. Tổng lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng do vậy giảm chút ít so với năm trước, nhưng cơ cấu có sự biến động theo chiều hướng tích cực.

6. Mạng lưới hoạt động: Cùng với việc nhận sáp nhập MDB trong năm 2015, mạng lưới hoạt động của Ngân hàng đã được tăng thêm 49 điểm giao dịch, hầu hết tại địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, nơi trước đây mạng lưới của Maritime Bank chưa phủ rộng. Điều này đã tạo thêm một thế mạnh thực sự cho Ngân hàng về mạng lưới trong thời gian tới.

7. Hoạt động M&A: Với việc nhận sáp nhập MDB và mua lại TFC thành công trong năm 2015, Maritime Bank đã gia tăng nguồn lực về tài chính, nhân sự, mạng lưới, khách hàng cũng như cơ hội phát triển kinh doanh trong các lĩnh vực cho vay nông nghiệp, cho vay tín chấp CBNV hành chính sự nghiệp (là thế mạnh của MDB) cũng như cho vay tiêu dùng (là lĩnh vực được cấp phép của công ty tài chính), tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ cho năm 2016 và các năm tiếp theo.

Với những thành quả tài chính và phi tài chính đã đạt được trong năm 2015, đặc biệt ở những thế mạnh nền tảng, Maritime Bank đã sẵn sàng cho sự phát triển mới với mục tiêu trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam.



- Lãi thuần từ hoạt động khác
- Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán
- Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ
- Thu nhập lãi thuần
- Chi phí hoạt động

Biểu đồ: Cơ cấu lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng (2012 - 2015)

Đơn vị: Tỷ đồng

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Hướng tới việc cung cấp trải nghiệm dịch vụ tài chính ngân hàng tốt nhất không chỉ cho mỗi khách hàng mà còn mang lại giải pháp tài chính đa dạng, thuận tiện, phù hợp nhất cho cả gia đình, bạn bè và đối tác của họ, Maritime Bank đã và đang nỗ lực không ngừng trong việc đầu tư và phát triển các sản phẩm dịch vụ ưu việt cho mỗi phân khúc khách hàng: khách hàng thành thị có thu nhập khá và cao, khách hàng tiểu thương, khách hàng có thu nhập trung bình tại các địa bàn nông nghiệp nông thôn, hướng tới giá trị Thuận tiện – Tin cậy – Thân thiện, trở thành ngân hàng giao dịch tốt nhất mà khách hàng ưu tiên lựa chọn.

Những thành tựu nổi bật trong 2015

Mở rộng mạng lưới dịch vụ, mang lại sự thuận tiện trong giao dịch

Trong năm 2015, cùng với việc sáp nhập thành công hệ thống ngân hàng lõi MDB vào Maritime Bank, số lượng phòng giao dịch và chi nhánh phục vụ cho phân khúc khách hàng cá nhân cũng được mở rộng tới gần 300, trong đó có gần 200 điểm phục vụ cho khách hàng khu vực thành thị và 100 điểm phục vụ cho khách hàng có thu nhập trung bình tại các địa bàn nông nghiệp, nông thôn và tiểu thương, cùng gần 500 ATM trải dài trên toàn quốc. Đây là thế mạnh nền tảng quan trọng của Maritime Bank trong mảng dịch vụ ngân hàng tài chính cá nhân, giúp mang lại sự thuận tiện cho khách hàng khi có nhu cầu giao dịch. Việc sáp nhập với MDB cũng tạo lợi thế chiến lược cho Maritime Bank tại thị trường miền Nam, đặc biệt là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tạo tiền đề vững chắc cho chiến lược Nam tiến của Ngân hàng trong các năm tới.

Củng cố và xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thân thiện, gia tăng sự tin tưởng sử dụng của trên 1,3 triệu khách hàng

Ý thức sâu sắc yếu tố con người đóng vai trò đặc biệt quan trọng giúp mang lại trải nghiệm dịch vụ ngân hàng tốt nhất, trong năm 2015, Maritime Bank đã xây dựng chính sách phát triển nhân sự cho đội ngũ bán hàng với lộ trình thăng tiến rõ ràng, đánh giá ghi nhận cụ thể kết quả hoàn thành công việc của mỗi cá nhân. Chính sách này đã nhanh chóng được triển khai và hỗ trợ hiệu quả cho việc xây dựng lực lượng bán hàng vững mạnh, hiệu suất công việc được cải thiện rõ rệt. Cùng với đó, Maritime Bank đặc biệt quan tâm xây dựng văn hóa bán hàng và dịch vụ khách hàng kết hợp với những chương trình thi đua dành riêng cho đội ngũ nhân viên bán hàng và dịch vụ khách hàng như: Sales Champion, Ngôi sao Cộng đồng, Quà tặng nhân hai - Teller cùng like... Đội ngũ bán hàng và dịch vụ khách hàng nhiệt huyết, năng động và chuyên nghiệp đã góp phần quan trọng giúp Maritime Bank nhận được sự tin tưởng sử dụng của trên 1,3 triệu khách hàng cá nhân (tăng 23% so với năm 2014).

Đa dạng hóa sản phẩm và thiết kế mô hình dịch vụ phù hợp với nhu cầu thực tế của từng phân khúc khách hàng

Luôn tôn trọng và lắng nghe, nắm bắt nhu cầu của từng phân khúc khách hàng, từ đó xây dựng sản phẩm cùng mô hình dịch vụ phù hợp nhất cho khách hàng là điều quan trọng cốt yếu giúp Maritime Bank tạo dựng được vị thế của mình trên thị trường.

Đối với mảng dịch vụ ngân hàng bán lẻ phục vụ phân khúc khách hàng thành thị có thu nhập cao và khá

Với định hướng trở thành ngân hàng gia đình cung cấp trải nghiệm dịch vụ tốt nhất thông qua dịch vụ thuận tiện và chính sách ưu đãi linh hoạt, trong năm 2015, Maritime Bank đã chú trọng phát triển gói giải pháp tài chính thay vì từng sản phẩm riêng lẻ: Các gói sản phẩm trả lương và tài khoản được đóng gói với các tiện ích dịch vụ đi kèm như thẻ quốc tế, dịch vụ ngân hàng điện tử kết hợp với với những giá trị bảo vệ từ các sản phẩm bancassurance như M-plus, M-home care... nhằm mang lại gói dịch vụ phù hợp với nhu cầu cùng sự thuận tiện tối đa cho khách hàng khi giao dịch, góp phần giúp số dư CASA bình quân tăng 31,5% và doanh thu từ phí giao dịch tăng 46% (từ 76,4 tỷ đồng năm 2014 lên 112 tỷ đồng năm 2015), góp phần quan trọng cho việc tăng trưởng ổn định và bền vững của Maritime Bank.

Hướng tới việc mang lại trải nghiệm dịch vụ tín dụng thuận tiện đơn giản cho khách hàng, Maritime Bank trong năm 2015 tiếp tục cải thiện và chuẩn hóa quy trình cho vay từ tiền thắm - thắm định - giải ngân cùng với việc phát triển gói sản phẩm cho vay tín chấp, vay mua nhà dự án kết hợp với việc xây dựng kênh kinh doanh tín dụng chuyên biệt đã tạo nên sự khởi sắc trong mảng tín dụng bán lẻ với mức tăng trưởng ấn tượng: số dư cuối kỳ tăng gấp 2,6 lần so với đầu năm ở cả 2 mảng cho vay thế chấp và tín chấp, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ hơn của mảng sản phẩm dịch vụ này trong thời gian tới.

Việc tái định vị lại sản phẩm thẻ ghi nợ và tín dụng quốc tế phù hợp hơn cho từng phân khúc khách hàng mục tiêu với giá trị gia

tăng từ việc mở rộng hệ thống đối tác ưu đãi sử dụng thẻ (JOY và JOY+), cải tiến quy trình bán hàng kết hợp theo gói sản phẩm trả lương cũng như đơn giản hóa quy trình phê duyệt đã mang lại giá trị hấp dẫn và thu hút được ngày càng nhiều khách hàng tin tưởng sử dụng. Số lượng khách hàng sử dụng thẻ quốc tế trong năm 2015 đã tăng 45% so với 2014.

Đối với mảng dịch vụ ngân hàng cộng đồng phục vụ phân khúc khách hàng tiểu thương, khách hàng có thu nhập trung bình tại các địa bàn nông thôn

Mô hình bán hàng và dịch vụ được thiết kế phù hợp nhu cầu đặc thù của phân khúc khách hàng và được triển khai đồng bộ trên gần 100 trung tâm tài chính cộng đồng toàn quốc. Cùng với việc kế thừa và phát triển những sản phẩm truyền thống của MDB kết hợp với những sản phẩm hiện hữu sẵn có, trong năm 2015, Maritime Bank đã hoàn thiện danh mục sản phẩm chiến lược bao gồm: cho vay tiểu thương, cho vay nhóm tương trợ, cho vay nông nghiệp và cho vay tiền lương, giúp hoàn thiện các gói sản phẩm này. Sự đúng đắn của hướng đi được lựa chọn đã thể hiện bằng kết quả kinh doanh vượt trội với thu thuần tăng trưởng 95% so với năm 2014.

Dựa trên những hiểu biết sâu sắc về nhu cầu tài chính đặc thù của phân khúc khách hàng mục tiêu, Maritime Bank không ngừng đánh giá và cải thiện các quy trình, chính sách tín dụng, mô hình thu nợ phù hợp với những chuẩn mực quản trị ngân hàng cộng đồng thành công trên thế giới đồng thời đóng gói những sản phẩm tín dụng với các sản phẩm bảo hiểm phù hợp (bảo hiểm tín dụng cá nhân, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tổn thất xe máy...) nhằm mang tới cho khách hàng không chỉ sự hỗ trợ về tài chính mà còn được bảo vệ an toàn trước những rủi ro có thể xảy ra. Ngân hàng cũng chú trọng tới việc đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn và dịch vụ thanh toán phù hợp cho từng nhóm khách hàng riêng biệt. Hướng đi đó đã giúp Ngân hàng tăng trưởng tín dụng bình quân và huy động bình quân lần lượt là 92% và 21% so với năm trước riêng trong phân khúc khách hàng này.

Gắn kết với khách hàng và cộng đồng không chỉ thông qua các gói giải pháp tài chính phù hợp, trong năm 2015, Maritime Bank còn tổ chức hàng trăm buổi giao lưu, hoạt động cộng đồng: tài trợ học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, khám chữa bệnh miễn phí cho các tiểu thương, hội thảo tư vấn giữ gìn hạnh phúc gia đình... Maritime Bank đã trở thành ngân hàng cộng đồng gắn gũi, gắn kết với cuộc sống hàng ngày của khách hàng tại địa phương,

nhận được sự tin tưởng của cộng đồng dân cư, góp phần vào việc tăng trưởng số lượng khách hàng lên tới gần 45% so với năm 2014 (trước sáp nhập MDB). Sau sáp nhập, con số này đã tăng 400% so với trước.

Tiếp tục hướng tới việc mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng trong mỗi sản phẩm dịch vụ tài chính cá nhân trong năm 2016

Hướng tới việc mang lại giá trị Thuận tiện - Tin cậy - Thân thiện trong mỗi sản phẩm dịch vụ tài chính cá nhân, trong năm 2016, Maritime Bank tiếp tục chú trọng thực hiện những trọng tâm sau:

- Phát triển lực lượng bán hàng và dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp: Nâng cao hiệu suất bán hàng và chất lượng dịch vụ khách hàng thông qua việc chuẩn hóa KPIs cho từng vị trí, xây dựng bộ tiêu chuẩn dịch vụ đồng bộ, hệ thống quản lý giám sát chặt chẽ, chương trình đào tạo bán hàng và dịch vụ khách hàng thiết kế phù hợp cho từng vị trí;
- Sản phẩm dịch vụ ngày càng đơn giản, thuận tiện hơn cho khách hàng: Việc cải tiến các quy trình dịch vụ khách hàng sao cho đơn giản, thuận tiện, đảm bảo an toàn hoạt động với sự hỗ trợ của các dự án công nghệ trọng yếu (Customer Centricity, Business Process Management, Customer Relationship Management...) được tiếp tục triển khai mạnh mẽ trong năm 2016, từ đó tạo ra những giá trị khác biệt trong mỗi sản phẩm dịch vụ thiết kế cho nhu cầu của từng phân khúc khách hàng mục tiêu, tạo sự gắn kết bền lâu giữa khách hàng và Ngân hàng;
- Chuẩn hóa và tạo sự đồng nhất trong trải nghiệm khách hàng: Chuẩn hóa mô hình phục vụ, hình ảnh chuyên nghiệp tại chi nhánh, nâng cao trải nghiệm đồng nhất cho khách hàng trên các kênh Internet Banking, Mobile Banking và ATM, hướng tới việc trở thành ngân hàng được khách hàng ưu tiên lựa chọn sử dụng và khuyến dùng.

Với tầm nhìn và chiến lược đúng đắn, cam kết hỗ trợ và đầu tư của Hội đồng Quản trị cho những dự án chiến lược củng cố và nâng cao thể mạnh nền tảng cùng nhiệt huyết và quyết tâm của toàn bộ cán bộ nhân viên nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng trong mỗi việc chúng tôi làm, Maritime Bank chắc chắn sẽ trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Dựa trên thế mạnh vượt trội về nguồn lực tài chính, mạng lưới chi nhánh phòng giao dịch rộng khắp toàn quốc và đội ngũ nhân viên thân thiện nhiệt tình, Maritime Bank hướng tới xây dựng một ngân hàng giao dịch Thuận tiện - Tin cậy - Thân thiện, được khách hàng ưu tiên lựa chọn bởi những lợi ích vượt trội từ việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng được thiết kế phù hợp với từng chuỗi cung ứng cho khách hàng doanh nghiệp và đối tác của họ. Với định hướng phát triển ổn định và bền vững, dựa trên việc phân khúc khách hàng rõ ràng, Maritime Bank xây dựng mô hình bán hàng và dịch vụ khách hàng chuyên biệt phù hợp với nhu cầu dịch vụ tài chính ngân hàng của từng phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, trên cơ sở gắn kết lợi ích bền lâu cùng khách hàng bằng việc cung cấp những giải pháp tài chính hữu hiệu, tạo nên sự thành công chung bền vững.

Năm 2015, Maritime Bank củng cố mô hình tiếp cận bán hàng, xây dựng gói giải pháp tài chính với những lợi ích vượt trội cho từng phân khúc khách hàng, gia tăng sự tin tưởng sử dụng của cộng đồng doanh nghiệp.

Việc xác định rõ phân khúc khách hàng tiềm năng tại mỗi địa bàn kết hợp với mô hình bán hàng hướng tới mục tiêu trở thành đối tác tin cậy, cung cấp giải pháp tổng thể trên cơ sở đặc điểm hoạt động và kinh doanh của từng khách hàng doanh nghiệp lớn đã và đang mang lại những thành công bước đầu về số lượng khách hàng mới và quy mô giao dịch tại Maritime Bank.

Song song với đó, đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Ngân hàng xây dựng mô hình tiếp cận và quản lý theo hình thức khép kín từ việc xác định danh mục khách hàng tiềm năng tới tiếp cận bán hàng theo từng gói sản phẩm phù hợp, đáp ứng nhu cầu về dịch vụ tài chính không chỉ của doanh nghiệp mà cả lãnh đạo và cán bộ tại doanh nghiệp đó. Bằng cách này, Maritime Bank đã từng bước gia tăng quan hệ tín dụng và giao dịch với khách hàng, đảm bảo khai thác hiệu quả danh mục khách hàng hiện tại, mở rộng khách hàng mới trên những địa bàn trọng tâm.

Ngoài ra, để phát triển danh mục khách hàng mới, Ngân hàng đã thiết kế và hoàn thiện gói sản phẩm dành cho chương trình Đối tác láng giềng hay Đối tác của khách hàng hiện hữu... mang lại những tiện ích vượt trội và sự thuận tiện cao trong dịch vụ ngân hàng giao dịch, tạo thành một cộng đồng khách hàng gắn gũi, gia tăng tính gắn kết giữa Ngân hàng với khách hàng. Năm 2015, Maritime Bank cũng phối hợp với các Hiệp hội Doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực, các tổ chức tài chính và đối tác uy tín để tổ chức hội thảo trên nhiều địa bàn nhằm cung cấp cho khách hàng những thông tin quan trọng về ngành, xu hướng phát triển chung đồng thời tăng cường cơ hội hợp tác kinh doanh với cộng đồng doanh nghiệp tiềm năng.

Cũng trong năm 2015, Maritime Bank tiếp tục chú trọng phát triển và cải tiến các sản phẩm, dịch vụ như: tài trợ các khoản phải thu, tài trợ nhập khẩu, tài trợ chuỗi (supply chain financing)..., mang lại cho các khách hàng doanh nghiệp nhiều lựa chọn phù hợp với giải pháp tài chính toàn diện, đa dạng. Mảng phi tín dụng cũng có nhiều khởi sắc khi trong năm qua, nhiều gói ưu đãi phí dịch vụ được ban hành. Đặc biệt, sự cải tiến lớn đối với Internet Banking bao gồm cả Mobile App. với nhiều ứng dụng được triển khai đã góp phần quan trọng trong việc tăng tính chủ động, tương tác và thuận tiện hơn cho người sử dụng, giảm thiểu các thủ tục khi cần giao dịch. Đây là một trong những hoạt động tiêu biểu nhằm nâng cao sự trải nghiệm dịch vụ của khách hàng doanh nghiệp.

Những nỗ lực đó đã giúp Maritime Bank nhận được ngày càng nhiều sự tin tưởng sử dụng của cộng đồng doanh nghiệp trong năm 2015, thể hiện bằng số lượng khách hàng doanh nghiệp tăng 13,5% so với 2014, dư nợ cuối kỳ trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp tăng 38% so với cùng kỳ năm 2014.

Định hướng hoạt động năm 2016

Trên nền tảng những kết quả đã đạt được trong năm 2015 đồng thời để xây dựng Maritime Bank thành ngân hàng giao dịch đáp ứng tốt nhất nhu cầu dịch vụ tài chính ngân hàng theo chuỗi cho khách hàng doanh nghiệp, năm 2016, Ngân hàng sẽ tiếp tục cải tiến và triển khai các gói sản phẩm, dịch vụ ngân hàng giao dịch phù hợp với cả khách hàng và đối tác của họ.

Ngoài ra, Maritime Bank cũng tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các dự án công nghệ quan trọng như Customer Relationship Management, Core Banking, Business Process Management, Branch Automation..., để từng bước hiện đại hóa cách thức quản lý khách hàng, quy trình xử lý hồ sơ và quy trình cung cấp dịch vụ nhằm mang lại sự thuận tiện, đơn giản và nhanh chóng cho khách hàng, đem đến trải nghiệm dịch vụ ngân hàng tốt nhất.

Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng xác định các trọng tâm phát triển cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp trong năm 2016, cụ thể:

- Xây dựng và thiết lập danh mục khách hàng mục tiêu cho từng phân khúc, xây dựng hệ thống quản lý bán hàng hiệu quả, nâng cao hiệu suất bán hàng của từng nhân viên;
- Chú trọng việc tiếp cận và chăm sóc khách hàng hiện hữu nhằm gia tăng mức độ hài lòng và nâng cao tỉ trọng giao dịch của mỗi khách hàng tại Ngân hàng;
- Đẩy mạnh các chương trình tiếp cận khách hàng theo chuỗi cung ứng với gói giải pháp tài chính toàn diện phù hợp, tạo nên sự thuận tiện tối đa cho khách hàng khi giao dịch;
- Chú trọng công tác định vị và quản lý rủi ro theo khẩu vị thông qua công cụ chính sách giá phù hợp với từng phân khúc khách hàng;
- Tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cán bộ bao gồm cả lực lượng dịch vụ khách hàng và hỗ trợ bán hàng.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGUỒN VỐN, NGOẠI HỐI VÀ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Năm 2015, Maritime Bank tiếp tục gặt hái thành công từ các hoạt động kinh doanh nguồn vốn, ngoại hối và mảng dịch vụ dành cho khách hàng là các định chế tài chính.

Những thành tựu nổi bật trong năm 2015

Kinh doanh ngoại tệ

Maritime Bank liên tục khẳng định được vị thế là ngân hàng tạo lập thị trường và là đối tác đáng tin cậy của thị trường liên ngân hàng với doanh số giao dịch ngoại tệ cao trong năm 2015, đạt mức 63 tỷ đô la Mỹ (quy đổi) so với 69 tỷ năm 2014 và 47 tỷ năm 2013. Bên cạnh sản phẩm giao ngay truyền thống, Maritime Bank mở rộng quy mô giao dịch các sản phẩm giao dịch kỳ hạn và hoán đổi và là một trong những ngân hàng năng động nhất trên thị trường liên ngân hàng.

Song song đó, trong năm 2015, Ngân hàng cũng không ngừng cải tiến các sản phẩm ưu việt sẵn có như Mflex, Mfloat, Mreset, Mfine/Song Kim và xây dựng sản phẩm mới như Mfly để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng trên thị trường 1. Các sản phẩm cấu trúc luôn được khách hàng đánh giá cao trong việc giảm chi phí vay vốn đồng thời hạn chế rủi ro tỷ giá phải chịu.

Đầu tư trái phiếu Chính phủ

Năm 2015, thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam trải qua một năm khó khăn với nhiều biến động. Lợi suất trái phiếu Chính phủ nhiều lần đảo chiều tăng mạnh, lợi nhuận danh mục đầu tư của rất nhiều ngân hàng sụt giảm. Linh hoạt trước những biến động của thị trường, Maritime Bank đã chủ động giảm doanh số giao dịch để bảo toàn lợi nhuận, chọn các thời điểm thích hợp để đầu tư và hiện thực hoá lợi nhuận. Nhờ vậy, năm 2015 tiếp tục là một năm thành công trong hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ của Maritime Bank. Ngân hàng luôn đi đầu trong việc áp dụng các kỹ thuật, hệ thống giao dịch mới, nhạy bén trong việc phát triển sản phẩm và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng chính sách, phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam.

Với những thành tích kinh doanh và những đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường, Maritime Bank tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những nhà tạo lập thị trường năng động nhất, được Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam vinh danh qua những giải thưởng:

- Giải thưởng Nhà Tạo lập thị trường chào giá tốt nhất năm 2015
- Giải thưởng Nhà Tạo lập thị trường giao dịch nhiều thứ 2 năm 2015

Kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng

Trước những khó khăn của thị trường, năm 2015, hoạt động liên ngân hàng của Maritime Bank giảm về mặt quy mô nhưng vẫn tiếp tục duy trì được hiệu quả kinh doanh tốt. Tính đến 31/12/2015, tổng huy động từ các tổ chức tín dụng đạt 17.400 tỷ đồng, giảm 31% so với năm 2014 nhưng vẫn được sử dụng cho mục đích cân đối nguồn vốn, đáp ứng tốt các yêu cầu thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời hỗ trợ các hoạt động đầu tư tài chính khác, mang lại lợi nhuận cho Ngân hàng.

Hoạt động hợp tác với các ngân hàng đại lý

Trong năm 2015, ngoài việc củng cố cơ sở khách hàng sẵn có, Maritime Bank đã mở rộng quan hệ ngân hàng đại lý với nhiều đối tác mới trong và ngoài nước, nâng tổng số ngân hàng đại lý lên gần 600 ngân hàng tại gần 60 quốc gia trên thế giới. Ngân hàng cũng ký kết thêm nhiều hợp đồng hợp tác trong nhiều lĩnh vực như các hợp đồng ISDA và CSA, hợp đồng thanh toán biên mậu, tài trợ thương mại, bao thanh toán, dịch vụ ngoại tệ mặt...

Hiện nay, Maritime Bank đang duy trì quan hệ hạn mức với hầu hết các định chế tài chính trong nước và hơn 50 định chế tài chính nước ngoài với tổng hạn mức lên tới hàng trăm triệu đô la Mỹ. Nhờ đó, Ngân hàng có thể hỗ trợ một cách hiệu quả hoạt động thanh toán của cá nhân và doanh nghiệp, hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cũng như các hoạt động trên thị trường liên ngân hàng của chính mình.

Hoạt động với các định chế tài chính phi tổ chức tín dụng (công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán)

Năm 2015 là năm thứ tư Maritime Bank triển khai phục vụ đối tượng khách hàng này và quản lý tập trung tại Hội sở. Việc tập trung hóa giúp cho Ngân hàng đã và đang đáp ứng tốt tất cả các nhu cầu của khách hàng từ các sản phẩm dịch vụ của khách hàng doanh nghiệp thông thường (quản lý dòng tiền, dịch vụ tài khoản, tín dụng...) tới các sản phẩm của thị trường tài chính (ngoại hối, đầu tư, Repo...), gia tăng và mở rộng đáng kể thị phần của Maritime Bank trong phân khúc khách hàng đặc thù này.

Hoạt động tài chính công

Một mảng sáng nữa của Maritime Bank trong năm 2015 là sự khởi

sắc của các dự án ODA với vai trò ngân hàng phục vụ dự án đã mang lại doanh thu phí cũng như huy động được nguồn vốn chi phí thấp cho Ngân hàng. Với 4 dự án mới triển khai trong năm 2015, hiện nay, Maritime Bank là một trong số ít ngân hàng thương mại được phục vụ đầy đủ các dự án ODA do Ngân hàng Thế giới (World Bank), Cơ quan hợp tác phát triển Nhật Bản (JICA)... tài trợ.

Định hướng hoạt động năm 2016

Để tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu trên thị trường trong lĩnh vực kinh doanh nguồn vốn, ngoại hối và dịch vụ cho các khách hàng là định chế tài chính, trong năm 2016, Maritime Bank sẽ tập trung vào những mục tiêu sau:

- Tiếp tục phát triển hạn mức tài trợ thương mại và các hạn mức giao dịch khác với những đối tác lớn, có uy tín nhằm tối đa hóa nguồn thu từ phí dịch vụ;
- Phát triển và thúc đẩy việc đưa những giải pháp tài chính, sản phẩm cấu trúc phục vụ cho các phân khúc khách hàng của Maritime Bank;
- Đa dạng hóa các nguồn huy động vốn nhằm đáp ứng tốt nhất và hiệu quả nhất nhu cầu vốn cho thanh khoản và phát triển kinh doanh của toàn hệ thống.





CON NGƯỜI & CỘNG ĐỒNG





PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

Với chiến lược nền tảng là phát triển dựa trên lợi thế cạnh tranh, Maritime Bank đã xác định nguồn nhân lực là một trong 3 lợi thế cạnh tranh trọng tâm, đóng vai trò quyết định sự thành công của Ngân hàng. Việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực là chiến lược đã, đang và sẽ tiếp tục được triển khai trong nhiều năm tới.

Thiết lập đội ngũ CBNV vững mạnh cho những kỳ vọng lớn

Maritime Bank quan niệm, một tổ chức muốn vươn lên vị trí dẫn đầu, trước hết, cần có những thành viên xuất sắc. Để thực hiện những mục tiêu lớn, năm 2015, đội ngũ cán bộ điều hành của Maritime Bank đã có những bổ sung quan trọng. Lượng nhân sự tuyển mới ở các vị trí cấp cao của Ngân hàng đã tăng gấp 3 lần so với năm 2014. Trong số này có rất nhiều chuyên gia hàng đầu, có uy tín trong giới tài chính ngân hàng trong nước và quốc tế đã gia nhập Maritime Bank và được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt nhằm nâng cao năng lực bộ máy, sẵn sàng triển khai một cách mạnh mẽ và hiệu quả chiến lược của Ngân hàng trong thời gian tới.

Bên cạnh việc tìm kiếm các tài năng trên thị trường lao động, Maritime Bank còn chủ động đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ kế cận thông qua chương trình Lãnh đạo Trẻ. Tính đến nay, Maritime Bank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai thành công chương trình này với 5 khóa Lãnh đạo Trẻ là những sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc từ các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, có sự thông minh, nhanh nhạy và khả năng tiếp thu, thích ứng cao được tuyển chọn, đào

tạo. Trên nền tảng đầu vào chất lượng cao, Maritime Bank xây dựng lộ trình phát triển những lãnh đạo tương lai thông qua việc luân chuyển qua nhiều vị trí, cả ở khối kinh doanh và hỗ trợ; tổ chức hướng dẫn trực tiếp bởi các lãnh đạo cấp cao giàu kinh nghiệm; đào tạo chuyên sâu ở những mảng mà họ thể hiện được thế mạnh nổi bật. Sau quá trình rèn luyện đó, Maritime Bank sẵn sàng tín nhiệm, trao trọng trách cho những tài năng trẻ và nhiệt huyết này.

Với những hoạt động được thực hiện một cách nhất quán, Maritime Bank đã xây dựng được một đội ngũ CBNV mạnh mà ở đó, những thành viên, dù còn rất trẻ hay đã dạn dày kinh nghiệm, đều tràn đầy nhiệt huyết và tự tin nhập cuộc với sự am hiểu hệ thống và bản lĩnh vững vàng. Hơn thế nữa, việc định vị thương hiệu nhà tuyển dụng uy tín, cởi mở, chuyên nghiệp và trọng thị người tài như vậy đang giúp Maritime Bank tiếp tục thu hút thêm những nhân sự tài năng thuộc nhiều lĩnh vực.

Đẩy mạnh hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự

Năm 2015, Maritime Bank tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào công tác đào tạo và phát triển nguồn lực, hoạt động có vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng nhân sự, hỗ trợ đặt nền tảng cho

văn hóa làm việc hiệu suất cao. Trong năm, Maritime Bank đã tổ chức hơn 205 khóa học cho 5.818 lượt CBNV tham dự, bao gồm: chuỗi chương trình đào tạo “Nhân viên bán hàng” trên toàn quốc cho 3.278 CBNV của Ngân hàng Bán lẻ, kiểm tra kiến thức về “Phòng chống rửa tiền” cho gần 3.000 CBNV có liên quan trực tiếp tới nghiệp vụ về tiền tệ. Ngoài ra, chuỗi các chương trình đào tạo quy hoạch cán bộ quản lý cũng được tổ chức nhằm hỗ trợ CBNV hoạch định và thực hiện lộ trình thăng tiến, phát triển sự nghiệp cá nhân. Đặc biệt, Maritime Bank đã triển khai thành công 2 khóa với hơn 50 học viên thuộc chương trình “Pro Banker” - mô hình đào tạo thu hút học viên bên ngoài nhằm cung cấp nguồn cán bộ bán hàng có kiến thức, kỹ năng bổ sung ngay cho các đơn vị trong và ngoài Maritime Bank.

Các chương trình đào tạo trực tuyến cũng tiếp tục được nâng cấp chất lượng nội dung.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và hiệu suất cao

Một trong những cam kết của Maritime Bank đối với CBNV chính là môi trường làm việc thân thiện, công bằng và minh bạch. Để đảm bảo tiêu chí này, Ngân hàng xây dựng chính sách đãi ngộ và phúc lợi căn cứ vào thang đánh giá hiệu quả thực tế của mỗi CBNV. Đặc biệt, với nhóm cán bộ tài năng Talent Pool, Maritime Bank có những chế độ xứng đáng nhằm gia tăng động lực phấn đấu và nâng cao năng suất lao động.

Ngoài ra, Ngân hàng đã dành một phần ngân sách không nhỏ cho Quỹ Thi đua khen thưởng nhằm vinh danh những CBNV có năng lực, đạt hiệu quả cao trong công việc. Trong năm, nhiều chương trình thi đua đã được tổ chức với mục đích tìm kiếm các cá nhân xuất sắc, ghi nhận những sáng kiến, sáng tạo khả thi, góp phần cải thiện quy trình, tránh lãng phí, gia tăng lợi ích cho cả Ngân hàng và khách hàng.

Cùng với đó, ý thức kỷ luật lao động cũng được tăng cường trong năm qua. Đây là một hoạt động nhằm đảm bảo môi trường làm việc nghiêm túc và chuyên nghiệp, bảo vệ sự công bằng và quyền lợi chung cho mọi CBNV.

Gia tăng tính gắn kết với việc tôn trọng giá trị cá nhân và gia đình CBNV

Năm qua, Maritime Bank tiếp tục triển khai những hoạt động nhằm tạo điều kiện để CBNV bảo vệ chăm sóc sức khỏe như: Chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho CBNV Maritime Bank - MSB care; Cân bằng giữa công việc và cuộc sống thông qua hoạt động

team building xây dựng đội ngũ, sự kiện Trung thu; Chi động viên, khen thưởng kết quả học tập của con em cán bộ. Ngoài ra, công tác Công đoàn cũng được chú trọng với những hỗ trợ, chia sẻ kịp thời dành cho những CBNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bên cạnh đó, việc truyền thông thông suốt từ Hội đồng Quản trị tới các cấp, đơn vị thông qua đào tạo dẫn dắt, thảo luận nhóm về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của Ngân hàng cũng được thực hiện giúp mọi CBNV đồng lòng, nhất quán, làm việc có lý tưởng, có mục tiêu. Đây là yếu tố rất quan trọng góp phần gia tăng sự gắn bó của mỗi thành viên với Ngân hàng.

Định hướng hoạt động năm 2016

Năm 2016, một sứ mệnh quan trọng được Maritime Bank đặt ra là đảm bảo trải nghiệm tốt nhất cho cán bộ nhân viên Ngân hàng. Để làm được điều này, hoạt động phát triển nhân lực sẽ được triển khai theo một số định hướng trọng tâm sau:

- Phát triển văn hóa làm việc hiệu suất cao, theo đó mỗi cán bộ nhân viên đều nỗ lực không ngừng để đáp ứng tối đa yêu cầu công việc đồng thời hoàn thiện, phát triển bản thân;
- Xây dựng hệ thống KPI cho từng vị trí công việc, đo lường hiệu suất làm việc một cách cụ thể, trung thực và minh bạch;
- Điều chỉnh cơ chế thưởng theo tiêu chí công bằng, hấp dẫn hơn, xứng đáng với những đóng góp của mỗi CBNV;
- Thiết lập, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho toàn thể CBNV của Ngân hàng theo hướng chuyên nghiệp và tập trung vào lĩnh vực trọng yếu gồm kỹ năng bán hàng, tín dụng, quản trị và chăm sóc khách hàng;
- Tiếp tục hoàn thiện chương trình phát triển nguồn nhân lực kế cận;
- Duy trì thương hiệu nhà tuyển dụng uy tín, hấp dẫn, thu hút nhiều nhân tài trên thị trường lao động.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với đội ngũ nhân sự hiện tại, với việc quyết tâm nâng cao tính hiệu quả của các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp và hoàn thiện hơn nữa khung chính sách nhân sự, nguồn nhân lực sẽ tiếp tục là lợi thế cạnh tranh quan trọng, mang lại những bước tiến lớn cho Ngân hàng trong những năm sắp tới.



Giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ
tốt nhất Việt Nam được bình
chọn bởi Tạp chí tài chính hàng
đầu thế giới World Finance

TRÊN 1,3 TRIỆU
KHÁCH HÀNG
TIN DÙNG

GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU

Với những nỗ lực để hiện thực hóa mục tiêu mang lại trải nghiệm tốt nhất cho người sử dụng trong mỗi việc chúng tôi làm, năm qua, Maritime Bank đã đạt được những thành tựu trong nhiều mảng hoạt động. Bên cạnh sự tin yêu của khách hàng, đối tác, Ngân hàng cũng đã vinh dự được ghi nhận bởi những tổ chức đánh giá chuyên nghiệp, có uy tín trong và ngoài nước thông qua các danh hiệu và giải thưởng:

- Bằng khen do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2013 - 2014
- Cờ thi đua do Ngân hàng Nhà nước trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2014



Danh hiệu Ngân hàng Cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2015 do Asian Banking & Finance trao tặng



Giải Ngân hàng vì Cộng đồng 2015 do Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG (Mỹ) kết hợp với VNBA trao tặng



Giải Nhà Tạo lập thị trường chào giá tốt nhất do Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) trao tặng



Giải Nhà Tạo lập thị trường giao dịch nhiều thứ 2 do Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) trao tặng



Giải Tin & Dùm Việt Nam 2015" do Tạp chí Tư vấn Tin & Dùm của Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn và trao tặng.



TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Với quan niệm doanh nghiệp chỉ có thể phát triển tốt và bền vững khi cộng đồng xung quanh sung túc, thịnh vượng, Maritime Bank luôn đề cao việc thực hiện trách nhiệm cộng đồng song song với việc kinh doanh Ngân hàng. Những hoạt động ý nghĩa này không chỉ xuất phát từ định hướng chung của Ngân hàng mà còn nhận được sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình cũng như sẵn sàng sẻ chia của toàn thể CBNV.

Tập trung vào 3 mũi nhọn hỗ trợ chính là y tế, giáo dục và phát triển nông nghiệp, nông thôn, năm 2015 Maritime Bank đã lần lượt trao tặng 370 con bò, tương đương hơn 5,5 tỷ đồng cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn các tỉnh Khánh Hòa, Quảng Nam và Bình Định; Tặng quà cho hơn 1.200 em học sinh và gần 200 hộ gia đình tại các tỉnh Phú Thọ, Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An, Vũng Tàu, Kiên Giang, Tiền Giang... qua chương trình “Đêm hội Trăng Rằm” và khai giảng năm học mới; Đồng hành với Học viện Y dược cổ truyền Việt Nam tổ chức đưa 100 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ và 800 sinh viên tình nguyện về 4 tỉnh miền Trung gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình để khám bệnh, phát thuốc miễn phí cho người dân.

Là một trong 7 giá trị cốt lõi mà Ngân hàng đã xây dựng và theo đuổi, Trách nhiệm Cộng đồng đối với Maritime Bank không chỉ được hiểu là các hoạt động an sinh xã hội mà còn là việc xây dựng môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, đảm bảo công việc và

sự phát triển của CBNV; Cung cấp những sản phẩm dịch vụ hữu ích cho các cá nhân, doanh nghiệp và đặc biệt, cam kết mọi hoạt động tại địa bàn không vì lợi nhuận, doanh thu mà gây ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng. Trên thực tế, CBNV Maritime Bank luôn sẵn sàng sẻ chia khó khăn với các đồng nghiệp. Mỗi hoàn cảnh khó khăn được nêu lên đều nhận được sự ủng hộ của rất nhiều lãnh đạo và CBNV trên toàn hệ thống. Truyền thống tốt đẹp đó đã góp phần xây dựng nên nét văn hóa cởi mở - đoàn kết, một trong những giá trị cốt lõi trọng tâm của Maritime Bank.

Nhằm thúc đẩy hơn nữa sự hỗ trợ lâu dài và bền vững cho cộng đồng, Maritime Bank đã thành lập Ngân hàng Cộng đồng. Sự có mặt của Ngân hàng Cộng đồng đã đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tài chính cho số đông những người có thu nhập trung bình, những người hưởng lương hưu trí, nông dân, công nhân... với các sản phẩm, dịch vụ đặc thù, phù hợp với tính chất cộng đồng.

Ghi nhận những đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội vì cộng đồng, năm 2015, Maritime Bank đã vinh dự được Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG (Mỹ) và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam trao tặng giải thưởng “Ngân hàng vì cộng đồng năm 2015”. Với những gì đã thực hiện nhiều năm qua, Maritime Bank cam kết sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xã hội trong tương lai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Với tầm nhìn trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam, Maritime Bank xác định chiến lược nền tảng là phát triển dựa trên lợi thế cạnh tranh và luôn mang đến trải nghiệm tốt nhất cho người sử dụng trong tất cả các hoạt động của Ngân hàng. Một trong những lợi thế cạnh tranh đó chính là năng lực quản trị được bảo đảm thông qua việc duy trì cơ cấu quản trị, mô hình tổ chức tốt và phát triển đội ngũ nhân sự nòng cốt mạnh.

Với định hướng tuân thủ pháp luật đồng thời phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược kinh doanh, bộ máy tổ chức của Maritime Bank được xây dựng gồm nhiều cấp để đảm bảo quản trị và thực thi các mục tiêu chiến lược một cách hiệu quả và chặt chẽ nhất. Trong đó, đứng đầu bộ máy tổ chức của Ngân hàng là Đại hội đồng Cổ đông, tiếp theo là Hội đồng Quản trị (với các Ủy ban trực thuộc bao gồm Ủy ban Tín dụng và Đầu tư, Ủy ban Xử lý rủi ro, Ủy ban Quản lý rủi ro, Kiểm toán, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược), Ban Kiểm soát (với bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc). Tổng Giám đốc Ngân hàng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Điều hành, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng với 06 ngân hàng chuyên doanh và 06 khối/ban hỗ trợ.

Maritime Bank xác định chiến lược phát triển phù hợp cho từng ngân hàng chuyên doanh, từ đó cung cấp các giải pháp sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu của từng nhóm khách hàng mục tiêu. Bên cạnh đó, 06 khối/ban hỗ trợ với các chức năng chuyên biệt chịu trách nhiệm hỗ trợ, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho các ngân hàng chuyên doanh và đảm bảo sự vận hành liên tục ổn định của Ngân hàng.

Mạng lưới các đơn vị kinh doanh của Maritime Bank vừa được quản lý theo chiều dọc, xuyên suốt từ Hội sở xuống các đơn vị, vừa quản lý theo chiều ngang với sự phối hợp giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận hỗ trợ. Mô hình này đã khẳng định được hiệu quả thực

tế: Các chính sách được triển khai đồng bộ và nhanh chóng từ Hội sở tới đơn vị kinh doanh đồng thời kết quả kinh doanh trên toàn mạng lưới cũng được quản lý chặt chẽ, thúc đẩy kịp thời bởi các đơn vị quản lý kinh doanh tại Hội sở. Mặc dù vậy, Maritime Bank vẫn không ngừng nghiên cứu và tìm ra các sáng kiến cải tiến tổ chức để hướng tới mô hình tối ưu hơn, phù hợp với các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Theo cơ cấu tổ chức trên, đội ngũ nhân sự cấp cao thuộc bộ máy quản trị và điều hành đóng vai trò chính yếu trong việc hoạch định chiến lược và vận hành hoạt động của Ngân hàng. Các thành viên trong bộ máy quản trị và điều hành của Maritime Bank đều là các chuyên gia cao cấp với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đã từng làm việc tại cả thị trường trong nước và quốc tế, năng lực xuất sắc và tràn đầy nhiệt huyết. Với bộ nguyên tắc ứng xử về thời gian - cơ chế hợp - giải quyết bất đồng - phối hợp hành động, các thành viên lãnh đạo cấp cao đảm bảo hoạt động của Maritime Bank luôn hướng tới sự chuyên nghiệp và hiệu quả, nhất quán giữa mục tiêu và thực tế triển khai.

Tại Maritime Bank, hệ thống kiểm soát được triển khai chặt chẽ và liên tục, tuân thủ các chuẩn mực quốc tế. Các hoạt động kiểm toán nội bộ từ lập kế hoạch, thực hiện, tổng hợp báo cáo đều được thực hiện theo đúng các quy định, quy trình nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm toán nội bộ và công tác quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Cách thức vận hành thông qua bộ máy được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và nhân sự quản lý chất lượng cao cùng với hệ thống kiểm soát chặt chẽ tạo nên nền tảng vững mạnh cho Maritime Bank trong việc triển khai chiến lược phát triển theo tầm nhìn trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Trần Anh Tuấn - Chủ tịch

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) Trường Đại học Griggs, Hoa Kỳ

Ông Trần Anh Tuấn tham gia quản trị và điều hành Maritime Bank từ năm 2007 với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc. Từ tháng 2/2012 đến nay, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Maritime Bank, Chủ tịch Ủy ban Chiến lược, Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro & Kiểm toán, Chủ tịch Ủy ban Tín dụng & Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban Xử lý rủi ro.



Bà Vũ Thị Liên - Thành viên

Tiến sỹ Kinh tế, Trường Kinh tế - Tài chính Leningrad, Liên Xô (cũ)

Bà Vũ Thị Liên từng giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi gia nhập Maritime Bank. Từ năm 2011 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Maritime Bank. Hiện tại, bà còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Nhân sự.



Ông Đỗ Lam Điền - Thành viên

Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Ngân hàng

Ông từng công tác tại nhiều ngân hàng như: Techcombank, Vietcombank, ACB và đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao tại Maritime Bank, MDB. Từ tháng 5/2015 đến nay, ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Maritime Bank.



Ông Vũ Đức Nhuận - Thành viên Thường trực

Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Đại học Quốc gia Hà Nội

Ông Vũ Đức Nhuận đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và giữ vai trò lãnh đạo cấp cao tại VIB, Bảo Việt Bank và Maritime Bank. Từ tháng 5/2015 đến nay, ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Maritime Bank.



Bà Dương Hồng Loan - Thành viên Độc lập

Cử nhân Kinh tế, Đại học Tài chính Kế toán; Bằng Cao cấp Chính trị

Bà Dương Hồng Loan từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Từ 1998 – 2010: Phó Giám đốc, sau đó là Giám đốc kiểm Bí thư Chi bộ Công ty Tài chính Dệt May Việt Nam; Từ 2010 – 2015: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính CP Dệt May Việt Nam. Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập Maritime Bank.

**RITIME
BANK**



BAN KIỂM SOÁT



Bà Phạm Thị Thành - Trưởng Ban Kiểm soát
Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
Hà Nội

Bà Phạm Thị Thành từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng Kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Bà gia nhập Maritime Bank từ tháng 04/2009 với vai trò Thành viên Ban Kiểm soát. Từ tháng 09/2009 đến nay, bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Maritime Bank.



Bà Chu Thị Đàm - Thành viên
Thạc sỹ Kinh tế tài chính ngân hàng – Học viện
Tài chính

Bà Chu Thị Đàm có 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Bà gia nhập Maritime Bank từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ, Chủ nhiệm Kiểm toán tin dụng, Kiểm toán nội bộ Maritime Bank. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Maritime Bank.



Bà Lê Thanh Hà - Thành viên
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Griggs,
Hoa Kỳ

Bà Lê Thanh Hà gia nhập Maritime Bank từ năm 1991 và đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và Kinh doanh ngoại tệ, PGĐ Khối Thị trường Tài chính – Ngân hàng Định chế tài chính. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Maritime Bank.



HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



Ông Huỳnh Bửu Quang - Tổng Giám đốc
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học
Hawaii, Mỹ

Ông Quang có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và nắm giữ những vị trí cấp cao của Tập đoàn HSBC như: GD Khu vực Châu Á Thái Bình Dương phụ trách Khối Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ chuỗi cung ứng của 9 nước ở khu vực; GD Điều hành NHTM của Tập đoàn HSBC tại Indonesia. Từ tháng 10/2015, ông giữ chức vụ TGD Maritime Bank.



Bà Nguyễn Hương Loan - Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Định chế tài chính
Thạc sỹ QTKD, ĐH Sorbonne Paris 1

Bà Nguyễn Hương Loan gia nhập Maritime Bank năm 2009 với vai trò Phó TGD phụ trách Khối Nguồn vốn; Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế tài chính kiêm GD Khối Thị trường tài chính. Hiện tại, bà giữ chức vụ Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Định chế tài chính.



Bà Đặng Tuyết Dung - Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, TGD Ngân hàng Bán lẻ
Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, ĐH KT Quốc dân

Bà Dung từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: GD Giao dịch tiền tệ & Tài trợ thương mại; GD Triển khai dịch vụ ngân hàng giao dịch toàn cầu tại Citibank; GD Ngân hàng Bán lẻ, GD Ngân hàng Bán buôn tại Techcombank. Từ tháng 12/2014, bà giữ chức vụ Phó TGD Maritime Bank kiêm TGD Ngân hàng Bán lẻ.



Ông Nguyễn Thế Minh - Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, ĐH ESCP và Paris Dauphine, Pháp

Ông Minh có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng uy tín như: GD Khối MME, GD miền Bắc - HSBC Việt Nam; GD cao cấp Khối Doanh nghiệp & các dự án tài chính - Calyon Việt Nam... Từ tháng 4/2015 đến nay, ông giữ chức vụ Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn.



Ông Nguyễn Hoàng An - Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Quản lý tín dụng
Cử nhân Kinh tế, Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng

Ông An gia nhập Maritime Bank từ năm 1992 và từng giữ các vị trí quan trọng như: GD Maritime Bank Thanh Xuân, GD Maritime Bank Hà Nội, Phó TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế tài chính, GD Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Phó TGD Maritime Bank kiêm TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2015 đến nay, ông giữ chức vụ Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Quản lý tín dụng.



Ông Trần Xuân Quảng - Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp
Thạc sỹ QTKD ĐH Nam California, Hoa Kỳ;
Cử nhân Kinh tế NH, ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Ông Trần Xuân Quảng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng với các vị trí lãnh đạo cấp cao tại Bảo Việt Bank như: Phó TGD, GD Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, GD Khối Ngân hàng Bán lẻ. Tại Maritime Bank, ông từng giữ các chức vụ: Phó TGD phụ trách Nguồn vốn & Khách hàng Cá nhân, GD Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó TGD kiêm GD Khối Quản lý chiến lược, GD Khối Quản lý rủi ro, Phó TGD Thường trực. Từ tháng 11/2013 đến nay, ông đảm nhiệm vai trò Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp



Ông Lê Quang Vu - Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Cộng đồng
Thạc sỹ QTKD, Trường QTKD Maastricht

Ông Lê Quang Vu đã có hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý cấp cao tại ngành hàng tiêu dùng, bán lẻ như: Viễn thông A, Metro Cash & Carry, Castrol, Unza và Unilever. Ông cũng từng giữ chức vụ quan trọng trong các tổ chức tài chính như: GD Khối Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông, GD Sale & Marketing SGVF. Ông gia nhập Maritime Bank năm 2012 với vai trò Trưởng Ban Trù bị thành lập Ngân hàng Thị trường Đại chúng, TGD Ngân hàng Đại chúng. Từ tháng 09/2014, ông giữ chức vụ Phó TGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Cộng đồng.



Bà Đinh Thị Tố Uyên - GD Khối Marketing & Truyền thông
Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh

Bà Uyên đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing & Truyền thông với các vị trí như: Giám đốc Thương hiệu & Marketing Techcombank; Giám đốc Thúc đẩy kinh doanh & Marketing British Petroleum; Trưởng Phòng Marketing & Kinh doanh Shell Gas Vietnam... Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông Maritime Bank.



Ông Nguyễn Phi Hùng - Phó TGD Maritime Bank, GD Khối Vận hành
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Viện Công nghệ Châu Á - AIT

Ông Nguyễn Phi Hùng từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại PG Bank, GP Bank, Citibank Hà Nội như: GD Khối Vận hành, GD Phát triển khách hàng SME, GD Dự án, TP Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại, TP phụ trách Giao dịch ngân quỹ. Ông gia nhập Maritime Bank năm 2013 với cương vị GD Khối Công nghệ & Vận hành. Hiện tại, ông giữ chức vụ Phó TGD Maritime Bank kiêm GD Khối Vận hành.



Ông Nilesh Banglorewala - GD Khối Quản lý tài chính
Cử nhân Thương mại và Kế toán công chứng

Ông Nilesh có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng lớn như HSBC, Standard Chartered Bank, Scotia Capital khu vực Châu Á, Trung Cận Đông và Bắc Mỹ với rất nhiều các vị trí khác nhau như: GD Vùng Quản lý tài chính, GD Tài chính. Ông gia nhập Maritime Bank từ tháng 7/2011 đến tháng 6/2014. Tháng 09/2015, ông trở lại Maritime Bank và giữ chức vụ GD Khối Quản lý tài chính Maritime Bank.



Bà Nguyễn Thu Trang - GD Nhân sự
Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Bà Nguyễn Thu Trang gia nhập Maritime Bank từ năm 2008 và từng đảm trách những vị trí quan trọng như: Phó Trưởng ban Trợ lý TGD, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng Điều hành, GD Nhân sự Maritime Bank kiêm Chánh Văn phòng. Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự Maritime Bank.



Ông Syed Mohammad Nadeem Kazmi - GD Khối Quản lý rủi ro
Cử nhân Thương mại, ĐH Karachi, Pakistan

Ông Nadeem Kazmi đã có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các ngân hàng quốc tế. Trong suốt sự nghiệp của mình, ông đã làm việc ở Đông Âu, Trung Đông, Bắc Phi và Nam Á trong các tổ chức như Citibank, ABNAMRO, Mashreq Bank và KPMG. Trước khi gia nhập Maritime Bank, ông đã giữ rất nhiều vai trò cao cấp như GD Khối QLRR tại Ngân hàng Mashreq Bank Qatar, GD Quản lý rủi ro bán lẻ quốc tế Mashreq Bank ở Ai Cập, GD Quản lý tín dụng vùng tại ABNAMRO Romania, GD Rủi ro bán lẻ tại ABNAMRO ở Pakistan, GD Chính sách tín dụng cho SAMBA (chi nhánh của Citibank) tại Ả Rập Saudi. Thêm vào đó, ông cũng giữ nhiều vị trí quan trọng trong lĩnh vực rủi ro, kinh doanh và kiểm toán tại Citibank Pakistan và KPMG.



Ông Bùi Quốc Khánh - GD Công nghệ
Thạc sỹ Hệ thống Thông tin, Đại học Queensland, Australia

Ông Khánh đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin với các vị trí như: Phó Phòng Điện toán Techcombank, Giám đốc Khối Công nghệ VIB, Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin Bảo Việt Bank, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ Thông tin và Ngân hàng Điện tử Ngân hàng TMCP Quốc Dân... Tháng 3/2015, ông gia nhập Maritime Bank và được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công nghệ Maritime Bank.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Hội đồng Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Hội đồng Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Hội đồng Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Điều hành

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Huỳnh Bửu Quang
TỔNG GIÁM ĐỐC

MARITIME BANK





QUẢN TRỊ RỦI RO ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN

Với định hướng phát triển an toàn, bền vững, Maritime Bank tin tưởng vào phương thức quản lý rủi ro tiến bộ, chủ động, cân bằng và độc lập. Năm 2015, Ngân hàng đã tập trung tăng cường quản lý rủi ro với việc thiết lập nền tảng cho quản lý rủi ro doanh nghiệp, triển khai mô hình cân bằng giữa rủi ro với lợi nhuận kinh doanh và nâng cao tuân thủ.

Quản trị rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là tổn thất tiềm tàng về mặt tài chính, phát sinh do bên vay hoặc bên đối tác không có khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Tại Maritime Bank, tất cả các chính sách tín dụng được xem xét và phê duyệt bởi Ủy ban Quản lý rủi ro. Hầu hết các khoản vay đều được đảm bảo bằng những loại hình tài sản đảm bảo được chấp nhận để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Hơn thế nữa, nỗ lực giảm thiểu thêm rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua việc đa dạng hóa các loại tài sản theo phân khúc khách hàng và ngành kinh tế.

Ngân hàng tuân thủ các quy trình phê duyệt tín dụng khác nhau khi thực hiện cho vay thương mại, cho vay đối với các tổ chức tín dụng và cho vay khách hàng cá nhân. Tất cả các loại hình tín dụng và nghiệp vụ mở rộng được cấp cho khách hàng tuân theo bộ tiêu chí giới hạn thẩm quyền phê duyệt tín dụng được giao. Bên cạnh đó, việc quản trị danh mục sẽ giám sát các bên có nghĩa vụ (khách hàng) và các phân nhóm của danh mục. Những ngành và dư nợ có mức độ biến động cao và rủi ro tập trung được theo dõi và yêu cầu phải có một số cách thức để giảm thiểu rủi ro.

Trong năm 2015, Maritime Bank tập trung tăng cường hoạt động quản trị danh mục để đảm bảo lộ trình phát triển cho các phân khúc bán lẻ và thương mại, giảm thiểu sự tập trung vào các phân khúc rủi ro hơn. Ngân hàng cũng đã thực hiện phân tích ngành và xem lại giới hạn chịu đựng của mình đối với các ngành kinh tế khác nhau cũng như chuẩn hoá lại mô hình đánh giá rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường bao gồm các trạng thái rủi ro của ngân hàng do chịu ảnh hưởng bất lợi của giá thị trường, lãi suất, tỷ giá, giá cổ phiếu và giá hàng hóa. Tại Maritime Bank, mục tiêu hàng đầu của quản lý rủi ro thị trường là xác định và triển khai các chính sách và quy trình quản lý rủi ro thị trường, xây dựng năng lực kiểm soát và giám sát hạn mức rủi ro thị trường toàn diện dưới sự định hướng của Hội đồng Quản lý tài sản nợ có (“ALCO”), đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Trong năm 2015, bộ phận Quản lý rủi ro thị trường tập trung vào cơ chế báo cáo và giám sát trên toàn hệ thống. Maritime Bank thay đổi toàn diện hệ thống giám sát và cơ chế quản lý trạng thái ngoại tệ của các đơn vị kinh doanh nhằm chủ động quản lý rủi ro tỷ giá USD/VND. Ngoài ra, bộ phận Quản lý rủi ro thị trường luôn đảm bảo các sản phẩm mới được đánh giá rủi ro thị trường và xác định phương án đo lường, kiểm soát hạn mức rủi ro thị trường trước khi triển khai.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro (i) do ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ, trả tiền khi đến hạn hoặc, (ii) ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn nhưng chịu chi phí cao bất thường để thực hiện nghĩa vụ đó.

ALCO được HĐQT trao quyền quản lý cấu trúc tài sản nợ - có và chiến lược nguồn vốn của Ngân hàng. ALCO họp định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất khi tình hình có biến động để rà soát các chỉ số thanh khoản, cấu trúc tài sản nợ - có, trạng thái rủi ro tỷ giá, lãi suất và các yêu cầu chỉ số khác. Trên cơ sở rà soát, ALCO xác định các định hướng quản lý rủi ro thanh khoản cho hoạt động của toàn hàng. Trong năm 2015, ALCO đã chỉ đạo triển khai thành công dự án Thông tư 36 – các chỉ số an toàn thanh khoản.

Để đo lường và giám sát tình hình thanh khoản, Ngân hàng sử dụng đa dạng các loại chỉ số và có sự chuẩn bị kế hoạch dự phòng thanh khoản. Từ khi sáp nhập, bộ phận Quản lý rủi ro thanh khoản đã luôn đảm bảo tất cả các chỉ số và báo cáo tuân thủ của ngân hàng sáp nhập tuân thủ và chính xác.

Quản lý rủi ro hoạt động

Maritime Bank đã xây dựng một khung quản lý rủi ro hoạt động toàn diện. Theo khung quản lý này, mỗi đơn vị sẽ xác định, giám sát và quản lý rủi ro hoạt động theo danh mục rủi ro hoạt động tại đơn vị mình. Một khung quản trị được đưa ra để thiết lập, đánh giá, thẩm định và giám sát các vị trí công việc nhằm xác định và quản lý rủi ro hoạt động trên toàn bộ ngân hàng.

Hội đồng Quản lý rủi ro hoạt động có trách nhiệm quản lý toàn bộ các rủi ro hoạt động được tổng hợp của cả ngân hàng. Kế hoạch hành động cho các rủi ro được đánh giá là rủi ro cao đều được ghi nhận và theo dõi. Một cơ chế báo cáo được thiết lập mà theo đó, các ma trận rủi ro được tổng hợp tự động tới từng cấp đơn vị và được tập hợp lên ở cấp độ toàn hàng. Các báo cáo này đều được gửi tới Ủy Ban Quản lý rủi ro.

Năm 2015, Maritime Bank tiến hành nâng cấp chức năng quản lý rủi ro hoạt động; Thực hiện việc diễn tập kế hoạch hoạt động kinh doanh liên tục cho các đơn vị trọng yếu và triển khai hệ thống dự phòng cho các hệ thống trọng yếu. Việc tự đánh giá rủi ro hoạt động và hiệu quả kiểm soát cũng được tăng cường. Cũng trong năm này, Maritime Bank đã thực hiện sáp nhập MDB và triển khai các quy trình kiểm soát, khung quản lý rủi ro hoạt động của Maritime Bank cho toàn bộ các chi nhánh cũ của MDB.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh do sự thay đổi quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng hoặc khách hàng.

Năm 2015, Maritime Bank đã nâng cao chức năng tuân thủ pháp lý trong hệ thống tổ chức quản lý rủi ro và đưa vấn đề quản lý rủi ro pháp lý ra thảo luận tại các cuộc họp quản lý điều hành. Trong năm, Ngân hàng đã triển khai phần mềm giám sát giao dịch qua đó khẳng định cam kết tuân thủ và phù hợp với các yêu cầu quốc tế. Ngân hàng cũng đã thực hiện quy trình giám sát để tăng cường kiểm soát về AML, FATCA và đã tiến hành đào tạo, kiểm tra về ALM, FATCA cho các cán bộ có liên quan trên toàn hàng.

Basel II

Maritime Bank là một trong 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn tiên phong trong việc triển khai tuân thủ Basel II. Theo lộ trình, Ngân hàng sẽ tuân thủ Basel II theo Phương pháp Chuẩn hóa cho các loại rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động trước tháng 2 năm 2017 và sẽ tiến tới tuân thủ Phương pháp Nâng cao vào cuối năm 2018.

Trong năm 2015, Ngân hàng đã thành lập riêng 1 trung tâm để thực hiện triển khai Basel II, thực hiện phân tích hiện trạng chất lượng dữ liệu, triển khai phát triển Datamart. Để thể hiện sự quyết tâm triển khai thành công dự án quan trọng này, Maritime Bank đã thành lập Ban Chỉ đạo dự án Basel II với thành viên là các lãnh đạo cấp cao thuộc Hội đồng Quản trị và Hội đồng Điều hành. Ngoài ra, Ngân hàng cũng tương tác mật thiết với cơ quan chủ quản trong việc xây dựng Dự thảo Thông tư Tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực

Basel II và triển khai đánh giá tác động định lượng (QIS) của Dự thảo Thông tư đối với Ngân hàng.

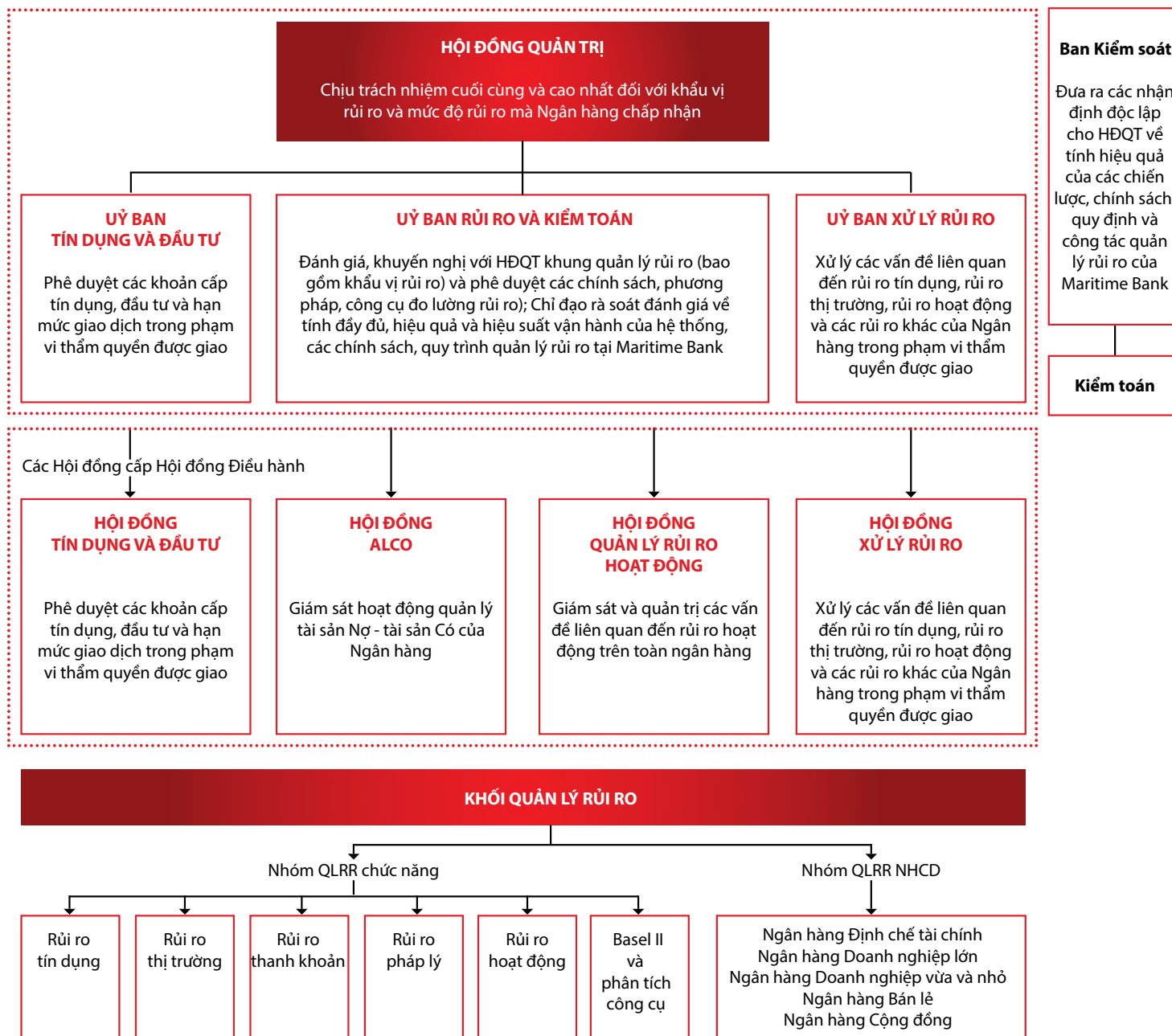
Định hướng hoạt động trong năm 2016

Maritime Bank đặt mục tiêu là ngân hàng TMCP có công tác quản lý rủi ro tốt nhất tại Việt Nam. Với mục tiêu này, Ngân hàng sẽ tiếp tục tập trung vào việc củng cố các chức năng quản lý rủi ro trong năm 2016. Lộ trình đã được xây dựng với các ưu tiên chủ đạo như sau:

- Tăng cường nguồn nhân lực chất lượng để nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng;
- Hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro cho các phân khúc khách hàng mục tiêu theo các chuẩn mực quốc tế;
- Tự động hóa và đơn giản hóa quy trình thẩm định và quản lý rủi ro;
- Xây dựng văn hoá rủi ro hoạt động và văn hóa tuân thủ trên toàn ngân hàng;
- Phát triển con người thông qua các khóa đào tạo tăng cường và chuyên sâu.

Nhất quán với chiến lược xây dựng nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững, chắc chắn quản trị rủi ro luôn là mảng hoạt động trọng tâm của Maritime Bank, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo lợi ích của khách hàng và cổ đông Ngân hàng.

SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI MARITIME BANK





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4.5 – Dự phòng rủi ro tín dụng và Thuyết minh số 4.9 – Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, trong năm 2015, Ngân hàng thực hiện trích dự phòng cụ thể đối với một số khoản nợ và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành theo Công văn số 1172/NHNN-TTGSNH.m ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trong phần này.

Vấn đề khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 45 – Các sự kiện quan trọng trong năm của Ngân hàng như sau:

Sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (“MDB”) vào Ngân hàng

Ngày 18 tháng 3 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Công văn số 1607/NHNN-TTGSNH chấp thuận nguyên tắc việc sáp nhập MDB vào Ngân hàng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 1391/QĐ-NHNN chấp thuận chính thức sáp nhập MDB vào Ngân hàng. Quyết định có hiệu lực từ ngày 12 tháng 8 năm 2015.

Mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành văn bản số 1161/QĐ-NHNN chấp thuận việc Ngân hàng mua lại Công ty tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam ("TFC") và chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty này thành Công ty TNHH một thành viên do Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 6 tháng 7 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samran Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

A blue ink signature of Hoàng Thị Hồng Minh.

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2015 triệu đồng</i>	<i>31/12/2014 triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.529.021	1.178.113
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	2.212.421	2.751.518
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	7	11.455.737	16.005.178
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	7.1	3.480.252	3.780.026
Cho vay các TCTD khác	7.2	8.085.210	12.332.742
Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	7.3	(109.725)	(107.590)
Chứng khoán kinh doanh	8	117.063	161.202
Chứng khoán kinh doanh		196.922	200.896
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(79.859)	(39.694)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
Cho vay khách hàng		27.490.168	22.966.507
Cho vay khách hàng	9	28.091.320	23.509.425
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(601.152)	(542.918)
Hoạt động mua nợ	11	43.965	1.861.309
Mua nợ		49.863	1.887.957
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(5.898)	(26.648)
Chứng khoán đầu tư	12	48.901.341	40.958.728
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	39.092.073	37.641.184
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	10.283.551	3.952.524
Dự phòng chứng khoán đầu tư		(474.283)	(634.980)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	9.251	358.406
Đầu tư dài hạn khác		9.251	360.225
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(1.819)
Tài sản cố định	14	823.094	761.082
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	14.1	202.244	205.491
Nguyên giá tài sản cố định		602.696	455.873
Hao mòn tài sản cố định		(400.452)	(250.382)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	14.2	276.544	283.175
Nguyên giá tài sản cố định		312.780	312.780
Hao mòn tài sản cố định		(36.236)	(29.605)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	14.3	344.306	272.416
Nguyên giá tài sản cố định		523.185	372.345
Hao mòn tài sản cố định		(178.879)	(99.929)
Bất động sản đầu tư	15	955.502	977.292
Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.057.948	1.057.948
Hao mòn bất động sản đầu tư		(102.446)	(80.656)
Tài sản có khác	16	10.773.713	16.389.406
Các khoản phải thu		4.462.892	11.454.134
Các khoản lãi, phí phải thu	16.3	3.069.951	4.246.488
Các khoản phải thu NSNN	24	49.560	49.044
Tài sản Có khác	16.4	3.302.658	774.172
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	16.6	94.982	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.5	(111.348)	(134.432)
TỔNG TÀI SẢN		104.311.276	104.368.741

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2015 triệu đồng</i>	<i>31/12/2014 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	5.027.470	42.311
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	17.399.382	25.495.893
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	4.253.611	7.027.513
Vay các TCTD khác	18.2	13.145.771	18.468.380
Tiền gửi của khách hàng	19	62.615.688	63.218.853
Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả tài chính khác	20	163.899	87.017
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	21	137.000	137.000
Phát hành giấy tờ có giá	22	3.297.331	3.655.000
Các khoản nợ khác		2.054.257	2.286.984
Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	1.247.205	1.530.966
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	24	6.944	8.552
Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	800.108	742.844
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng		-	4.622
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		90.695.027	94.923.058
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD	25	12.035.628	8.286.095
Vốn điều lệ		11.750.000	8.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		608	607
Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000
Cổ phiếu quỹ		(114.980)	(114.512)
Quỹ của TCTD	25	643.915	489.909
Lợi nhuận chưa phân phối	25	936.706	669.679
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.616.249	9.445.683
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		104.311.276	104.368.741

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Cam kết bảo lãnh vay vốn	10.000	-
Cam kết giao dịch hối đoái	36.942.071	57.847.956
Cam kết cho vay không hủy ngang	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	488.373	558.563
Bảo lãnh khác	2.012.862	1.781.913
Các cam kết khác	195.100	1.706.906
	39.648.406	61.895.338

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Văn Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2015</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2014</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28	9.191.710	9.136.495
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	29	(7.604.795)	(7.963.094)
Thu nhập lãi thuần		1.586.915	1.173.401
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		186.456	171.608
Chi phí hoạt động dịch vụ		(147.812)	(115.740)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30	38.644	55.868
(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	31	(70.925)	(15.311)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	32	(46.068)	9.700
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	33	561.362	635.084
Thu nhập từ hoạt động khác		443.322	468.257
Chi phí hoạt động khác		(161.960)	(242.412)
Lãi thuần từ hoạt động khác	34	281.362	225.845
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	35	142.435	91.493
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		2.493.725	2.176.080
Chi phí nhân viên		(776.687)	(585.053)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(125.740)	(118.703)
Chi phí hoạt động khác		(906.431)	(548.639)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	36	(1.808.858)	(1.252.395)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		684.867	923.685
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(1.286.327)	(2.617.097)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng		759.492	1.855.436
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		158.032	162.024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(41.758)	(19.268)
Chi phí thuế TNDN		(41.758)	(19.268)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		116.274	142.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	26	100	180

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Văn Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2015 triệu đồng</i>	<i>2014 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		10.638.934	9.161.783
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.916.567)	(8.046.837)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		38.645	55.867
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		512.301	849.765
Chi phí khác		(810.668)	(165.903)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		166.899	22.526
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.265.108)	(946.980)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24	(51.879)	(111.267)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.312.557	818.954
Những thay đổi về tài sản hoạt động		5.553.549	2.361.112
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		5.279.130	7.032.089
(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		(4.625.179)	(3.911.351)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	48.112
Giảm/(Tăng) các khoản cho vay khách hàng		562.273	(1.380.768)
(Tăng) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(549.028)	(540.991)
Giảm khác về tài sản hoạt động		4.886.353	1.114.021
Những thay đổi về công nợ hoạt động		(7.436.165)	(2.701.845)
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		4.985.160	(601.878)
(Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(9.824.014)	1.097.910
(Giảm) tiền gửi của khách hàng		(2.126.348)	(2.272.848)
(Giảm)/Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(357.669)	859.998
(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(2.751)	(4.402)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		76.882	87.017
(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(184.927)	(1.863.039)
Chi từ các quỹ của TCTD		(2.498)	(4.603)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(570.059)	478.221
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(17.388)	(31.125)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		6.474	127.707
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	(30)
Tiền thu/chi từ đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		18.023	24.159
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		72.260	86.001
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		79.369	206.712

	<i>Thuyết minh</i>	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(72)	(73)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		(419)	(66.581)
Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(491)	(66.654)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(491.181)	618.279
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	37	7.493.427	6.875.148
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	7.002.246	7.493.427

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Văn Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là Ngân hàng Thương mại Cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 08 tháng 06 năm 1991 theo Giấy phép số 0001/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với thời gian hoạt động là 25 năm. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên thành 99 năm theo Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 12 tháng 6 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Văn bản số 1161/QĐ-NHNN chấp thuận việc Ngân hàng mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam (TFC). Quyết định này có hiệu lực từ ngày 6 tháng 7 năm 2015. Theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (MDB) vào Ngân hàng. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 8 năm 2015. Ngày 21 tháng 7 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 1392/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng. Ngày 8 tháng 9 năm 2015, Ngân hàng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 19. Theo đó, vốn điều lệ của Ngân hàng là 11.750.000 triệu đồng.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, mua nợ, bán nợ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11.750.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8.000.000 triệu đồng).

Mạng lưới Hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh và hai trăm linh tám (208) phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Được thành lập theo</i>	<i>Ngành hoạt động</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB AMC)	QĐ 1066/2008/QĐ - HĐQT ngày 28 tháng 11 năm 2008	Quản lý nợ và Khai thác tài sản	100 tỷ đồng Việt Nam	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB FC)	QĐ 1161/2015/QĐ - NHNN ngày 12 tháng 06 năm 2015	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	500 tỷ đồng Việt Nam	100%

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VNĐ”). Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành của Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam, tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được trình bày theo đơn vị triệu đồng, được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Ngân hàng, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và phương thức trình bày báo cáo tài chính liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Phân loại nợ theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN (“Thông tư 09”)

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Đồng thời, Khoản 3a Điều 10 của Thông tư 02 chính thức hết hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Theo đó, Ngân hàng không được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Khoản 3a, Điều 10.

Thông tư số 49/2014/TT-NHNN - Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc NHNN (“Thông tư 49”)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thống đốc NHNN Việt Nam đã ban hành Thông tư số 49/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015, nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc NHNN. Theo đó, mẫu biểu báo cáo tài chính của Ngân hàng sẽ có một số thay đổi chủ yếu như sau:

- ▶ Bổ sung các mẫu biểu bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo các sửa đổi bổ sung tại Thông tư 02, Thông tư 09 và Thông tư 10;
- ▶ Bổ sung một số thuyết minh báo cáo tài chính phù hợp với việc sửa đổi báo cáo tài chính, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII –

Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ngân hàng áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Thay thế Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC (“Thông tư 200”)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư áp dụng cho báo cáo tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Dưới đây là một số thay đổi của Thông tư 200 so với Quyết định 15 có ảnh hưởng đến công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính của Ngân hàng:

- ▶ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:
 - ▶ Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
 - ▶ Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).
- ▶ Trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
 - ▶ Thu nhập khác và chi phí khác: Khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa khoản phải thu từ hoạt động này với giá trị còn lại và chi phí thanh lý được trình bày theo số thuận;
 - ▶ Lãi cơ bản trên cổ phiếu: Trong trường hợp quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định sau khi trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.
- ▶ Các lưu ý về phân phối lợi nhuận:
 - ▶ Ngân hàng được phân phối lợi nhuận cho cổ đông không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và nếu số lợi nhuận được phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng, Ngân hàng chỉ thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về Ngân hàng;
 - ▶ Khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Ngân hàng.

Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“Thông tư 14”)

Theo quy định của Thông tư 14, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành, tổ chức tín dụng bán nợ phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt theo thời hạn của trái phiếu. Công thức tính toán dự phòng cụ thể cũng được quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Thông tư. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.

4.2 Hợp nhất báo cáo tài chính của Ngân hàng khi sáp nhập

Ngày 19 tháng 4 năm 2014, Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng số 22/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án sáp nhập MDB vào Ngân hàng.

Ngày 18 tháng 3 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Công văn số 1607/NHNN-TTGSNH chấp thuận nguyên tắc việc sáp nhập MDB vào Ngân hàng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 1391/QĐ-NHNN chấp thuận chính thức sáp nhập MDB vào Ngân hàng. Quyết định có hiệu lực từ ngày 12 tháng 8 năm 2015.

Ngân hàng thực hiện công tác sáp nhập theo Đề án sáp nhập đã đệ trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Ngân hàng được lập dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông và các công ty con.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.5 Dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng, mua nợ và tài sản có rủi ro tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Theo Điều 1, Khoản 11 của Thông tư 09, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- ▶ Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- ▶ Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- ▶ Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- ▶ Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện kinh doanh;
- ▶ Ngân hàng đáp ứng được quy định của NHNN về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, Ngân hàng có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay khách hàng và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay khách hàng như đã được phân loại hiện tại. Đối với một khoản nợ, việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ chỉ được thực hiện 01 (một) lần. Điều 1, Khoản 11 của Thông tư 09 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 02.

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2015 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn và các khoản cam kết ngoại bảng.

Các khoản mua nợ từ các tổ chức tín dụng khác và công ty mua bán nợ khác của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản được thực hiện trích lập theo quy

định của Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm tài chính.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ. Theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ nếu như chúng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, hoặc là cá nhân bị chết, mất tích.

Trích lập dự phòng cụ thể cho một số khoản nợ theo Công văn số 1172/NHNN-TTGSNH.m

Trong năm 2015, đối với một số khoản nợ quá hạn, các khoản nợ bán chưa thu tiền và các khoản nợ bán cho VAMC với tổng dư nợ 1.141.464 triệu đồng, Ngân hàng đã thực hiện giãn trích lập dự phòng theo Công văn số 1172/NHNN-TTGSNH.m ngày 15 tháng 12 năm 2015 về việc đề xuất kế hoạch tài chính liên quan đến tái cơ cấu và xử lý nợ xấu.

4.6 Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09 tháng 07 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD” và thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch lớn hơn giữa dự phòng giảm giá đã trích lập và giá trị khoản vay/ trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục “Thu nhập khác”.

4.7 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và Ngân hàng có ý định nắm giữ trong thời gian ngắn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Ngân hàng đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.8 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc

lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư*".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*

4.9 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện giãn trích lập dự phòng cho trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành theo Công văn số 1172/NHNN-TTGSNH.m ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh số 4.8*.

4.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.11 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.12 Các khoản phải thu

4.12.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.12.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.12.3 Các khoản mua nợ của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Công ty con của Ngân hàng

Các khoản mua nợ không có quyền truy đòi từ các tổ chức tín dụng khác và công ty mua bán nợ khác được thực hiện trích lập dự phòng theo tỷ lệ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam quyết định và theo Quy chế tài chính. Tuy nhiên, tỷ lệ trích lập không thấp hơn 5% số dư giá vốn của khoản nợ mua theo quy định của Thông tư 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm của công ty con và hạch toán vào chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trên báo cáo tài chính hợp nhất.

4.13 Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định, chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.16 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

4.17 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.18 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi, chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Thông tư 09/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN của NHNN về việc ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng. Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015, doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 46*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VNĐ trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên tài khoản "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.20 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.21 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoãn lại khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn lại trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.23 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) và các khoản bán nợ có truy đòi vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.24 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cản trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.25 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.26 Các công cụ phái sinh

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

4.27 Lợi ích của nhân viên**4.27.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.27.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.27.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.28 Các quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng:

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 57/2012/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	<i>Trích lập hàng năm</i>	<i>Số dư tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các quỹ dự trữ của công ty con:

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002, Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam ("MSB AMC") trích lập các quỹ được thực hiện tương tự như Ngân hàng.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, MSB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính. MSB AMC ra quyết định kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012, thay thế Nghị định 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

4.29 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VNĐ	1.028.736	930.485
Tiền mặt bằng ngoại tệ	491.481	241.908
Chứng từ có giá trị ngoại tệ	-	26
Vàng tiền tệ	8.804	5.694
	1.529.021	1.178.113

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	2.212.421	2.751.518
Tiền gửi khác	-	-
Tiền gửi phong tỏa	-	-
	2.212.421	2.751.518

7. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	3.480.252	3.780.026
Cho vay các TCTD khác	8.085.210	12.332.742
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(109.725)	(107.590)
	11.455.737	16.005.178

7.1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.423.743	1.628.675
- Bằng VNĐ	896.729	1.346.381
- Bằng ngoại tệ, vàng	527.014	282.294
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	2.056.509	2.151.351
- Bằng VNĐ	1.222.500	1.640.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	834.009	511.351
	3.480.252	3.780.026

7.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Bằng VNĐ	7.975.760	11.992.806
Bằng vàng, ngoại tệ	109.450	339.936
	8.085.210	12.332.742

7.3 Dự phòng rủi ro tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác

Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN, Thông tư 09/2014/TT-NHNN và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý. Theo đó, dự phòng rủi ro tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trích lập dựa trên kết quả phân loại các khoản tiền gửi tại và cho vay TCTD tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2015.

Thay đổi dự phòng rủi ro cho tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác trong năm 2015 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng dự phòng triệu đồng</i>
Tại ngày 01/01/2015	107.590	-	107.590
Số tiền đã trích trong năm	2.135	-	2.135
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	109.725	-	109.725

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Chứng khoán Vốn	196.922	200.896
- Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	36.088	36.088
- Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	160.834	164.808
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(79.859)	(39.694)
	117.063	161.202

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Chứng khoán Vốn	196.922	200.896
- Đã niêm yết	166.071	175.896
- Chưa niêm yết	30.851	25.000
	196.922	200.896

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>31/12/2015</i>	<i>31/12/2014</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	27.850.687	23.221.436
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	31.041	54.554
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	-	76
Cho vay vốn đặc biệt	209.487	209.254
Cho vay khác	-	24.000
Các khoản trả thay khách hàng	105	105
Nợ cho vay được khoanh và chờ xử lý	-	-
	28.091.320	23.509.425

9.1. Phân tích dư nợ theo chất lượng nợ cho vay

	<i>31/12/2015</i>	<i>31/12/2014</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	25.412.927	20.621.584
Nợ cần chú ý	1.720.279	1.675.031
Nợ dưới tiêu chuẩn	92.388	181.499
Nợ nghi ngờ	182.632	71.533
Nợ có khả năng mất vốn	683.094	959.778
	28.091.320	23.509.425

9.2. Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	<i>31/12/2015</i>	<i>31/12/2014</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	8.495.200	6.200.963
Nợ trung hạn	10.518.573	6.398.743
Nợ dài hạn	9.077.547	10.909.719
	28.091.320	23.509.425

9.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2015		31/12/2014	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các TCKT	20.513.917	73,03%	20.589.200	87,58%
Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương	344.803	1,23%	823.597	3,50%
Công ty TNHH Nhà nước	1.373.477	4,89%	164.638	0,70%
Công ty TNHH tư nhân	5.183.842	18,45%	6.407.435	27,25%
Công ty cổ phần Nhà nước	726.416	2,59%	982.196	4,18%
Công ty cổ phần khác	12.602.605	44,86%	12.101.294	51,47%
Doanh nghiệp tư nhân	217.183	0,77%	50.073	0,21%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	65.591	0,23%	53.936	0,23%
Kinh tế tập thể	-	0,00%	6.031	0,03%
Cho vay cá nhân	7.577.403	26,97%	2.896.225	12,32%
Cho vay khác	-	0,00%	24.000	0,10%
	28.091.320	100,00%	23.509.425	100,00%

9.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2015		31/12/2014	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông Lâm Ngư nghiệp	44.638	0,16%	116.576	0,50%
Khai khoáng	407.903	1,45%	1.184.550	5,04%
Chế biến thủy hải sản	210.799	0,75%	162.098	0,69%
Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	888.817	3,16%	817.737	3,48%
Dệt may, sản xuất da dầy, sản xuất trang phục	118.124	0,42%	154.978	0,66%
Khai thác và sơ chế gỗ, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ và lâm sản khác	118.303	0,42%	75.497	0,32%
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy và in ấn	64.357	0,23%	56.324	0,24%
Sản xuất thuốc, hoá dược, dược liệu; cao su, nhựa, phân bón, hoá chất	204.275	0,73%	113.885	0,48%
Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ thép, Inox, sơn, matit và các chất tương tự)	44.658	0,16%	136.478	0,58%
Sản xuất thép thành phẩm	41	0,00%	-	0,00%
Sản xuất phôi thép	27.808	0,10%	41.413	0,18%
Sản xuất Inox và luyện kim khác	354.799	1,26%	310.820	1,32%
Cơ khí, lắp ráp, chế tạo máy móc, ô tô, xe máy	118.156	0,42%	90.329	0,38%
Sản xuất điện tử, thiết bị điện, máy vi tính quang học, thiết bị viễn thông	260.113	0,93%	277.867	1,18%
Đóng tàu, thuyền	380.606	1,35%	1.569.717	6,68%
Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, thiết bị y tế, giáo dục, thể dục thể thao	1.697	0,01%	6.664	0,03%
Sản xuất và phân phối điện, năng lượng	73.272	0,26%	132.592	0,56%
Xây dựng	1.063.861	3,79%	612.100	2,60%

Thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng	1.096.056	3,90%	696.828	2,96%
Kinh doanh phân bón, hóa chất, các sản phẩm hóa chất khác, thuốc, hóa dược, dược liệu, thiết bị y tế	121.746	0,43%	99.782	0,42%
Thương mại xăng, dầu, gas, khí đốt	213.469	0,76%	323.232	1,37%
Kinh doanh sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng tổng hợp khác	486.949	1,73%	255.182	1,09%
Thương mại hàng công nghiệp nặng khác	263.528	0,94%	265.886	1,13%
Kinh doanh vận tải bộ và đường sông	275.578	0,98%	14.151	0,06%
Kinh doanh vận tải biển	2.197.277	7,82%	4.010.944	17,06%
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí	317.184	1,13%	305.533	1,30%
Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng	9.795.579	34,87%	7.710.360	32,80%
Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông	106.022	0,38%	107.850	0,46%
Dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ; giáo dục y tế; Thông tin và truyền thông khác.	197.368	0,70%	126.400	0,54%
Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ	167.313	0,60%	214.445	0,91%
Hoạt động tài chính, Ngân hàng và Chứng khoán	342.698	1,22%	856.153	3,64%
Ngành khác	8.128.326	28,94%	2.663.054	11,33%
	28.091.320	100,00%	23.509.425	100,00%

10. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Thông tư 09/2014/TT-NHNN. Theo đó, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2015.

Chi tiết số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	<u>31/12/2015</u> <i>triệu đồng</i>	<u>31/12/2014</u> <i>triệu đồng</i>
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (<i>Thuyết minh 10.1</i>)	601.152	542.918
Dự phòng rủi ro cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng:		
- <i>Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng</i>	-	4.622
- <i>Dự phòng cho nợ bán có truy đòi (Thuyết minh 10.2)</i>	-	-
	<u>601.152</u>	<u>547.540</u>

10.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2015 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Tại ngày 01/01/2015	358.407	184.511	542.918
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	745.273	142.365	887.638
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(363.992)	(202.115)	(566.107)
Số trích lập từ các nguồn khác trong năm	196.220	28.636	224.856
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR	(278.743)	-	(278.743)
Giảm dự phòng do bán nợ	(209.410)	-	(209.410)
Tại ngày 31/12/2015	447.755	153.397	601.152

10.2 Dự phòng cho nợ bán có truy đòi

Thay đổi dự phòng cho nợ bán có truy đòi trong năm 2015 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Tại ngày 01/01/2015	-	4.622	4.622
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong năm	-	(4.622)	(4.622)
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản nợ được mua của Ngân hàng trong năm 2015 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư tại ngày 01/01/2015	4.500	22.148	26.648
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	6.326	772	7.098
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong năm	(3.565)	(21.140)	(24.705)
Tăng dự phòng khác trong năm	6.042	-	6.042
Giảm dự phòng khác trong năm	(6.179)	(382)	(6.561)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong năm	(2.624)	-	(2.624)
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.500	1.398	5.898

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 12.1)	39.092.073	37.641.184
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 12.2)	10.283.551	3.952.524
Trong đó:		
- Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	9.982.951	3.952.524
- Trái phiếu của tổ chức kinh tế	300.000	-
- Trái phiếu của tổ chức tín dụng	600	-
Dự phòng chứng khoán đầu tư	(474.283)	(634.980)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (trừ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết)	(108.155)	(348.429)
- Dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết - AFS	(99.360)	(185.309)
- Dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết - HTM	(2.250)	-
- Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(264.517)	(101.242)
	48.901.341	40.958.728

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Chứng khoán Nợ	36.063.802	35.613.124
Chứng khoán do Chính phủ và các Cơ quan thuộc Chính phủ phát hành	23.858.073	23.074.824
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	3.120.000	3.120.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	9.085.729	9.418.300
Chứng khoán Vốn	3.028.271	2.028.060
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	2.982.769	1.983.058
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	45.502	45.002
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (trừ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết)	(108.155)	(348.429)
Dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(99.360)	(185.309)
	38.884.558	37.107.446

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	9.982.951	3.952.524
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	300.600	-
Dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC	(264.517)	(101.242)
Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	(2.250)	-
	10.016.784	3.851.282

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Các khoản đầu tư dài hạn khác triệu đồng</i>
Tại ngày 01/01/2015	360.225
Vốn góp tăng từ hợp nhất MSB FC	8.800
Vốn góp giảm trong năm	(359.774)
Tại ngày 31/12/2015	9.251

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2015 như sau:

	<i>Đơn vị: triệu đồng</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	23.430	286.194	82.982	62.350	917	455.873
Tăng trong năm	17.787	91.589	43.426	25.879	68	178.749
Giảm trong năm	(15)	(5.178)	(25.633)	(1.026)	(74)	(31.926)
Số dư cuối năm	41.202	372.605	100.775	87.203	911	602.696
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.516	164.152	35.058	41.010	646	250.382
Tăng trong năm	6.292	97.122	36.266	30.128	140	169.948
Giảm trong năm	(10)	(3.425)	(15.517)	(857)	(69)	(19.878)
Số dư cuối năm	15.798	257.849	55.807	70.281	717	400.452
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	13.914	122.042	47.924	21.340	271	205.491
Tại ngày 31/12/2015	25.404	114.756	44.968	16.922	194	202.244

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

	<i>31/12/2015</i>
	<i>triệu đồng</i>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	119.901

14.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là nhà cửa, vật kiến trúc, với thời hạn thuê 50 năm.

Biến động của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	2015 triệu đồng	2014 triệu đồng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	312.780	312.780
Số dư cuối năm	312.780	312.780
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	29.605	22.974
Khấu hao trong năm	6.631	6.631
Số dư cuối năm	36.236	29.605
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	283.175	289.806
Tại ngày cuối năm	276.544	283.175

14.3 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2015 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	199.255	173.090	-	372.345
Tăng trong năm	31.720	162.858	1.933	196.511
Giảm trong năm	-	(45.650)	(21)	(45.671)
Số dư cuối năm	230.975	290.298	1.912	523.185
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.453	95.476	-	99.929
Tăng trong năm	1.166	118.898	708	120.772
Giảm trong năm	-	(41.801)	(21)	(41.822)
Số dư cuối năm	5.619	172.573	687	178.879
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	194.802	77.614	-	272.416
Tại ngày 31/12/2015	225.356	117.725	1.225	344.306

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình

	31/12/2015
	<u>triệu đồng</u>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	76.663

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2015 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	980.490	77.458	1.057.948
Tăng trong năm	447	-	447
Giảm trong năm	-	(447)	(447)
Số dư cuối năm	<u>980.937</u>	<u>77.011</u>	<u>1.057.948</u>
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	78.588	2.068	80.656
Tăng trong năm	21.268	522	21.790
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>99.856</u>	<u>2.590</u>	<u>102.446</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2015	<u>901.902</u>	<u>75.390</u>	<u>977.292</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>881.081</u>	<u>74.421</u>	<u>955.502</u>

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Các khoản phải thu	4.462.892	11.454.134
- Các khoản phải thu	4.350.620	11.349.185
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.833	1.839
- Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định	110.439	103.110
Các khoản lãi, phí phải thu	3.069.951	4.246.488
Các khoản phải thu ngân sách Nhà nước	49.560	49.044
Tài sản có khác	3.207.676	774.172
Lợi thế thương mại	94.982	-
Dự phòng rủi ro cho các khoản phải thu	(111.348)	(134.432)
	<u>10.773.713</u>	<u>16.389.406</u>

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Vay NHNN		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	4.990.657	-
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	36.813	42.311
	5.027.470	42.311

18. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi các TCTD khác	4.253.611	7.027.513
Vay các TCTD khác	13.145.771	18.468.380
	17.399.382	25.495.893

18.1 Tiền, vàng gửi các TCTD khác

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	357.763	1.216.781
- Bằng VNĐ	168.244	1.170.993
- Bằng vàng và ngoại tệ	189.519	45.788
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	3.895.848	5.810.732
- Bằng VNĐ	1.732.800	4.157.900
- Bằng vàng và ngoại tệ	2.163.048	1.652.832
	4.253.611	7.027.513

18.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Bằng VNĐ	10.892.870	15.026.528
Bằng vàng và ngoại tệ	2.252.901	3.441.852
	13.145.771	18.468.380

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi**

	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	11.593.269	13.272.075
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	9.581.368	9.833.899
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	27.575	72.766
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.398.831	2.957.811
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	585.495	407.599
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	50.699.448	49.459.423
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	16.330.201	18.183.742
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	32.341.981	29.250.112
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	41.423	78.003
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.985.843	1.947.566
Tiền gửi vốn chuyên dùng	90.034	179.562
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VNĐ	75.340	129.666
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	14.694	49.896
Tiền ký quỹ	232.937	307.793
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	215.582	263.955
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	17.355	43.838
	62.615.688	63.218.853

19.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 triệu đồng
Tiền gửi của TCKT	22.838.839	26.773.208
Tiền gửi của cá nhân	39.515.390	36.142.499
Tiền gửi của các đối tượng khác	261.459	303.146
	62.615.688	63.218.853

20. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(NỢ PHẢI TRẢ) TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) triệu đồng</i>	<i>Tổng giá trị ròng ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)</i>		
		<i>Tài sản triệu đồng</i>	<i>Công nợ triệu đồng</i>	<i>Giá trị thuần triệu đồng</i>
Tại ngày 31/12/2015				
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	19.229.518	20.232	184.131	(163.899)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.949.794	20.232	-	20.232
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	17.279.724	-	184.131	(184.131)
Mua quyền chọn tiền tệ	-	-	-	-
<i>Mua quyền chọn mua</i>	-	-	-	-
<i>Mua quyền chọn bán</i>	-	-	-	-
Bán quyền chọn tiền tệ	-	-	-	-
<i>Bán quyền chọn mua</i>	-	-	-	-
<i>Bán quyền chọn bán</i>	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014				
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	30.968.417	-	87.017	(87.017)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.948.192	-	56.712	(56.712)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	28.020.225	-	30.305	(30.305)
Mua quyền chọn tiền tệ	-	-	-	-
<i>Mua quyền chọn mua</i>	-	-	-	-
<i>Mua quyền chọn bán</i>	-	-	-	-
Bán quyền chọn tiền tệ	-	-	-	-
<i>Bán quyền chọn mua</i>	-	-	-	-
<i>Bán quyền chọn bán</i>	-	-	-	-

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY CHỊU RỦI RO

	<i>31/12/2015 triệu đồng</i>	<i>31/12/2014 triệu đồng</i>
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ	137.000	137.000
	137.000	137.000

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Chứng chỉ tiền gửi		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	297.331	-
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	-	-
Trái phiếu		
Dưới 12 tháng	-	-
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	500.000	1.155.000
Từ 5 năm trở lên	2.500.000	2.500.000
	3.297.331	3.655.000

23. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

23.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Lãi phải trả tiền gửi	1.015.949	1.106.431
Lãi phải trả từ phát hành giấy tờ có giá	61.831	123.628
Lãi phải trả từ vay các tổ chức khác	114.226	240.737
Lãi phải trả từ vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	-	-
Lãi phải trả khác	55.199	60.170
	1.247.205	1.530.966

23.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Cổ tức phải trả	4.324	3.525
Các khoản phải trả nội bộ	164.400	135.421
- Các khoản phải trả nhân viên	115.481	96.716
- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, và quỹ thù lao Ban Quản lý, Ban Điều hành	48.919	38.705
Các khoản phải trả bên ngoài	631.384	603.898
- Các khoản chờ thanh toán	135.481	125.262
- Doanh thu chờ phân bổ	28.857	12.535
- Phải trả từ các hợp đồng mua nợ	24.836	298.597
- Chuyển tiền phải trả bằng Việt Nam đồng	10.860	60.049
- Chuyển tiền phải trả bằng ngoại tệ	3.785	4.463
- Các khoản phải trả khác	427.565	102.992
	800.108	742.844

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: triệu đồng

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	4.890	33.230	(34.874)	3.246
Thuế TNDN	(49.044)	51.363	(51.879)	(49.560)
Thuế nhà đất	-	48	(48)	-
Các loại thuế khác	3.662	44.515	(44.479)	3.698
Thuế phải trả/(được khấu trừ) Ngân sách nhà nước	(40.492)	129.156	(131.280)	(42.616)

24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	158.032	162.024
<i>Trừ:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(72.307)	(86.001)
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	626	340
- Lợi nhuận trước thuế MDB	(191.834)	-
- Kết chuyển lỗ năm trước	(396)	(27.843)
- Điều chỉnh hợp nhất	7	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(105.872)	48.520
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	(105.872)	(39.063)
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	87.583
Chi phí thuế TNDN trong năm		
- Chi phí thuế TNDN trong năm từ hoạt động kinh doanh	(438)	-
- Chi phí thuế TNDN trong năm từ chuyển nhượng bất động sản	-	19.268
- Chi phí thuế TNDN của MDB	42.196	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.758	19.268
Chi nộp thuế bổ sung năm trước	-	16
Thuế TNDN phát sinh trong năm	41.758	19.284
Thuế TNDN phải trả/(được khấu trừ) đầu năm	(49.044)	42.939
Thuế TNDN phải trả đầu năm của MDB	1.201	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm của MSB FC	1.202	-
Thuế TNDN phải nộp khác	7.201	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(51.879)	(111.267)
Thuế TNDN phải trả/(được khấu trừ) cuối năm	(49.560)	(49.044)

24.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có khoản mục chênh lệch đáng kể tạm thời nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ

25.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2015 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng công
Tại ngày 01/01/2015	8.000.000	400.000	(114.512)	3.290	411.377	75.242	669.679	607	9.445.683
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	116.274	-	116.274
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	(229)	-	229	-	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	(115)	115	-	-
Tăng khác	3.750.000	-	(468)	107	104.019	52.722	150.445	1	4.056.826
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	(2.498)	-	-	-	(2.498)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	(36)	-	(36)
Tại ngày 31/12/2015	11.750.000	400.000	(114.980)	3.397	512.669	127.849	936.706	608	13.616.249

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	31/12/2015 cổ phiếu	31/12/2014 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.175.000.000	800.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.175.000.000	800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.175.000.000	800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13.029.628	12.978.944
- Cổ phiếu phổ thông	13.029.628	12.978.944
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.161.970.372	787.021.056
- Cổ phiếu phổ thông	1.161.970.372	787.021.056
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng	116.274	142.756
Trừ: trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính)	-	-
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu	116.274	142.756
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	1.162	794
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, có điều chỉnh (triệu cổ phiếu)	1.162	794
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	100	180
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu, có điều chỉnh (đồng/cổ phiếu)	100	180

27. CỔ TỨC

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị Ngân hàng không có quyết định nào về tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

28. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	467.796	104.018
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và nợ mua	5.421.811	5.987.444
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	3.047.866	2.750.648
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	3.047.866	2.750.648
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	-	-
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	25.094	18.680
Thu khác từ hoạt động tín dụng	229.143	275.705
	9.191.710	9.136.495

29. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	3.019.088	3.919.640
Trả lãi tiền vay	716.508	848.652
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	288.693	279.636
Chi phí hoạt động tín dụng khác	3.580.506	2.915.166
	7.604.795	7.963.094

30. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	186.456	171.608
Dịch vụ thanh toán	169.440	143.630
Dịch vụ ngân quỹ	864	168
Thu từ dịch vụ tư vấn	-	399
Dịch vụ đại lý nhận ủy thác	3.147	4.767
Thu phí dịch vụ khác	13.005	22.644
Chi phí hoạt động dịch vụ	(147.812)	(115.740)
Chi về dịch vụ thanh toán	(83.859)	(65.388)
Chi phí dịch vụ khác	(63.953)	(50.352)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	38.644	55.868

31. (LỖ) THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.228.501	704.029
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	150.187	66.671
Thu từ kinh doanh vàng	143	741
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.078.171	636.617
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(1.299.426)	(719.340)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(364.337)	(62.080)
Chi về kinh doanh vàng	(476)	(218)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(934.613)	(657.042)
(LỖ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(70.925)	(15.311)

32. LÃI/(LỖ) THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.606	14.692
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(7.509)	(27.492)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.867	34.528
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(43.032)	(12.028)
	(46.068)	9.700

33. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	514.169	978.727
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(242.724)	(105.846)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	383.404	1.066
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(93.487)	(238.863)
	561.362	635.084

34. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	-	-
Thu về hoạt động kinh doanh khác	262.699	186.657
- Thu từ nợ đã xử lý rủi ro (*)	166.899	22.526
- Thu từ cho thuê và quản lý văn phòng	87.332	122.705
- Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	8.468	41.426
Thu từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản	6.497	127.707
Thu lãi từ hợp đồng đặt cọc	-	82.323
Thu nhập khác	174.126	71.570
Thu từ hoạt động khác	443.322	468.257
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	-	-
Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	(70.526)	(159.066)
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ, tài sản cố định và bất động sản	(6.017)	(38.863)
Chi phí khác	(85.417)	(44.483)
Chi từ hoạt động khác	(161.960)	(242.412)
ILãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	281.362	225.845

35. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần:	72.260	86.001
- từ chứng khoán Vốn kinh doanh	3.303	3.972
- từ chứng khoán Vốn đầu tư	-	-
- từ góp vốn, đầu tư dài hạn	68.957	80.717
- từ tài sản có khác	-	1.312
Các khoản thu nhập/(chi phí) khác từ góp vốn mua cổ phần	68.356	5.243
Hoàn nhập dự phòng góp vốn đầu tư dài hạn	1.819	249
Dự phòng góp vốn đầu tư dài hạn	-	-
	142.435	91.493

36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2015 <i>triệu đồng</i>	2014 <i>triệu đồng</i>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	33.094	32.732
Chi phí cho nhân viên	776.687	585.053
- Chi lương và phụ cấp	699.446	530.653
- Các khoản chi đóng góp theo lương	37.804	27.597
- Chi ăn ca	22.899	19.271
- Chi trang phục	142	3.242
- Chi trợ cấp	2.632	395
- Chi về y tế cơ quan	9.203	1.051
- Chi khác	4.561	2.844
Chi về tài sản	436.158	358.104
- Khấu hao tài sản cố định	125.740	118.703
- Chi sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định	114.260	53.434
- Chi thuê tài sản cố định	176.878	166.297
- Chi mua sắm công cụ lao động	16.013	19.380
- Chi bảo hiểm tài sản	3.267	290
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	503.694	378.827
- Công tác phí	47.966	41.605
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	23	2
- Chi quảng cáo, khuyến mại	39.892	26.068
- Chi thuê chuyên gia, tư vấn	204.249	152.282
- Chi hoạt động quản lý công vụ khác	211.564	158.870
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	55.082	51.818
Thu hoàn nhập dự phòng	-	(199.906)
Chi phí dự phòng rủi ro khác	4.143	45.767
	1.808.858	1.252.395

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuận thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2015 <i>triệu đồng</i>	31/12/2014 <i>triệu đồng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.529.021	1.178.113
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.212.421	2.751.518
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	1.423.743	1.628.675
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày	1.837.061	1.935.121
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	-
	7.002.246	7.493.427

38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ NHÂN VIÊN

	<i>2015</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2014</i> <i>triệu đồng</i>
I. Bình quân số cán bộ, nhân viên (người)	3.268	2.997
II. Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	512.384	443.532
2. Thu nhập khác và thưởng	<u>2.772</u>	<u>8.482</u>
3. Tổng thu nhập (1+2)	515.156	452.014
4. Tiền lương bình quân/tháng	13,0	12,3
5. Thu nhập bình quân/tháng	13,1	12,6

39. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thể chấp của khách hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>31/12/2015</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2014</i> <i>triệu đồng</i>
Bất động sản	28.911.040	23.386.945
Động sản	10.335.020	17.783.842
Chứng từ có giá	19.159.232	3.935.450
Tài sản khác	<u>15.077.269</u>	<u>26.081.044</u>
	<u>73.482.561</u>	<u>71.187.281</u>

40. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Ngân hàng có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng thành viên hoặc Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Số tiền triệu đồng</i>
Các bên liên quan là tổ chức			
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT)	Cổ đông lớn	Lãi đã trả tiền gửi	36.353
Viễn thông Hải Phòng	Công ty con của VNPT	Lãi đã trả tiền gửi	52
Bưu điện thành phố Hải Phòng	Công ty con của VNPT	Lãi đã trả tiền gửi	1
Công ty TNHH Đầu tư Phúc Tiến	Cổ đông lớn	Lãi đã trả tiền gửi	2

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>triệu đồng</i>
Các bên liên quan là tổ chức			
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT)	Cổ đông lớn	Tiền gửi	611.059
Viễn thông Hải Phòng	Công ty con của VNPT	Tiền gửi thanh toán	7.620
Bưu điện thành phố Hải Phòng	Công ty con của VNPT	Tiền gửi thanh toán	82
Công ty TNHH Đầu tư Phúc Tiến	Cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán Tiền vay	258 521.875

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Chi tiết mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>Tổng dư nợ cho vay và các khoản nợ mua</i>	<i>Tổng tiền gửi</i>	<i>Các cam kết tín dụng</i>	<i>CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Trong nước	28.141.183	65.780.891	2.665.557	19.229.519	49.018.405
Nước ngoài	-	132.128	-	-	-

Các cam kết tín dụng bao gồm cam kết bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán theo thư tín dụng.

42. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Định hướng của Ngân hàng là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng

cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước. Trong những trường hợp cần thiết, rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc sử dụng các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung. Theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

42.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản trị hiệu quả các rủi ro này, Ngân hàng đã ban hành các quy định về thẩm định và phê duyệt tín dụng bao gồm đầy đủ các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn về hoạt động tín dụng từ khâu phân tích thị trường, lựa chọn danh mục khách hàng tiềm năng, phát triển/thẩm định khách hàng, phân tích phương án kinh doanh đến phê duyệt và quản lý khoản tín dụng sau phê duyệt. Đặc biệt, Ngân hàng đã áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tất cả các đối tượng khách hàng. Trong năm 2015, hàng loạt các công cụ và mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ đã được rà soát, nâng cấp và xây dựng mới, đảm bảo tuân thủ Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Thông tư 09/2014/TT-NHNN nhằm nâng cao chất lượng đo lường, cảnh báo và quản lý rủi ro tín dụng. Từ đó, Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thiết lập và kiểm soát hệ thống hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Công tác thẩm định, định giá tài sản bảo đảm tiếp tục được hoàn thiện với việc xây dựng, ban hành, định kỳ cập nhật chính sách khung tài sản bảo đảm quy định cơ sở, phương pháp định giá và quản lý tài sản bảo đảm thống nhất toàn hệ thống. Hoạt động tác nghiệp về tài sản bảo đảm được thực hiện bảo đảm tính độc lập, có cơ chế giám sát, quản lý và kiểm soát chất lượng định giá đối với công tác định giá, phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng.

Công tác giám sát tín dụng được triển khai và báo cáo thường xuyên theo quy định của NHNN cũng như quy định nội bộ nhằm cung cấp một cách kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động tín dụng và đánh giá mức độ tập trung rủi ro tín dụng cũng như đưa ra các cảnh báo sớm kèm theo chế tài phù hợp đối với bất cứ phát sinh bất thường trong hoạt động tín dụng.

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay không bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1, không kể đến các khoản quá hạn dưới 10 ngày, theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Thông tư 09/2014/TT-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày dưới đây:

	<i>Quá hạn</i>				<i>Tổng cộng</i> <i>triệu đồng</i>
	<i>Dưới 90 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	<i>91-180 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	<i>181-360 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Trên 360 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng	1.043.673	48.535	18.842	286.931	1.397.981
Mua nợ	1.957	307	-	2.951	5.215
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-
Tài sản có khác	-	-	-	-	-
	1.045.630	48.842	18.842	289.882	1.403.196

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là do Ngân hàng hiện đang nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này, hoặc các tài sản tài chính này chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng theo quy định. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

Các tài sản tài chính đã quá hạn và đã bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn và đã bị giảm giá tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 của riêng Ngân hàng được trình bày dưới đây:

	<i>Quá hạn</i>				<i>Tổng cộng</i> <i>triệu đồng</i>
	<i>Dưới 90 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	<i>91-180 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	<i>181-360 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Trên 360 ngày</i> <i>triệu đồng</i>	
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	219.450	-	-	-	219.450
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng	1.081.675	42.378	163.790	378.567	1.666.410
Mua nợ	92.753	39.219	-	14.688	146.660
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-
Tài sản có khác	214.000	-	-	162.890	376.890
	1.607.878	81.597	163.790	556.145	2.409.410

42.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của Ngân hàng do những biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như tỷ giá, lãi suất, giá cổ phiếu và giá hàng hóa. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Quản lý Rủi ro Thị trường & Thanh khoản thuộc Khối Quản lý Rủi ro. Ngân hàng thực hiện kiểm soát rủi ro thị trường thông qua các phân tích và đánh giá về tình hình thanh khoản thị trường, các giới hạn về trạng thái rủi ro, mức độ nhạy cảm của lợi nhuận với các yếu tố rủi ro, giá trị chịu rủi ro.

(a) Rủi ro lãi suất

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Rủi ro lãi suất là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của Ngân hàng do những biến động bất lợi của lãi suất. Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất được huy động tài trợ cho các tài sản có đó. Các hoạt động chính của Ngân hàng tạo ra rủi ro lãi suất gồm: các hoạt động cho vay, huy động và đầu tư.

Quản lý rủi ro lãi suất

Việc đánh giá rủi ro lãi suất được đo lường dựa trên mô hình tái định giá (Repricing Model) để phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế căn cứ trên các giả định chính:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc, đá quý; chứng khoán kinh doanh, phụ trội, chiết khấu, các khoản lãi, phí phải thu, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các khoản bán nợ VAMC được xếp loại khoản mục không nhạy cảm lãi suất. (Không nhạy cảm với lãi suất là các khoản mục mà thu nhập hoặc chi phí từ khoản mục này không bị ảnh hưởng khi lãi suất thay đổi);
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn tái định giá lãi suất được xếp loại đến hạn trong vòng một tháng;
- ▶ Các khoản tiền gửi không kỳ hạn, huy động không kỳ hạn cũng xếp loại như một khoản nhạy cảm lãi suất với kỳ hạn tái định giá lãi suất đến hạn trong vòng một tháng;
- ▶ Các giao dịch quá hạn sẽ được phân loại vào mục Quá hạn, mục này cũng được xem xét như một khoản không nhạy cảm lãi suất;
- ▶ Thời hạn tái định giá lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư (chứng khoán nợ) được tính căn cứ vào ngày tái định giá lãi suất hoặc ngày đến hạn thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng của từng loại chứng khoán;
- ▶ Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác: Xác định thời hạn tái định giá lãi suất thực tế được căn cứ vào ngày hai bên thỏa thuận lại lãi suất và/hoặc ngày đáo hạn của giao dịch được quy định trong hợp đồng (tùy thuộc vào ngày nào đến trước) trên cơ sở bù trừ giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra theo từng dải kỳ hạn;
- ▶ Thời hạn tái định giá lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay/đi vay các TCTD; các khoản tiền gửi/cho vay/ đi vay khách hàng (cá nhân, TCKT); các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; mua nợ, các khoản phát hành giấy tờ có giá, Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay được xác định căn cứ vào ngày tái định giá lãi suất hoặc ngày đến hạn thanh toán tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính (tùy thuộc vào giao dịch là thả nổi hay cố định lãi suất);
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các tài sản có và tài sản nợ khác được xếp loại căn cứ vào đặc điểm và bản chất của từng loại tài sản.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế triệu đồng
USD	0,25%	(10.051)
VNĐ	1,00%	(97.247)

Mức tăng/(giảm) điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Bảng dưới đây trình bày thời gian định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

	Thời hạn định lại lãi suất								Tổng
	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	
TÀI SẢN									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.529.021	-	-	-	-	-	-	1.529.021
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.212.421	-	-	-	-	-	2.212.421
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác – gộp	219.450	-	3.304.342	2.023.670	2.385.000	3.000.000	633.000	-	11.565.462
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác - gộp	-	-	149.429	-	-	-	-	-	149.429
Mua nợ - gộp	39.793	10.070	-	-	-	-	-	-	49.863
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	196.922	-	-	-	-	-	-	196.922
Chứng khoán Chính phủ & Chứng khoán do TCTD phát hành - gộp	-	2.982.769	459.212	-	570.000	3.050.600	18.702.925	4.195.935	29.961.441
Cho vay khách hàng – gộp	3.572.676	-	22.112.253	948.671	283.554	343.509	825.794	4.863	28.091.320
Chứng khoán do TCKT phát hành – gộp	-	45.502	11.129.195	2.500.000	1.397.000	4.014.101	-	328.385	19.414.183
Góp vốn, đầu tư dài hạn -gộp	-	9.251	-	-	-	-	-	-	9.251
Tài sản cố định	-	823.094	-	-	-	-	-	-	823.094
Bất động sản đầu tư	-	955.502	-	-	-	-	-	-	955.502
Tài sản Có khác - gộp	455.206	10.429.855	-	-	-	-	-	-	10.885.061
Tổng tài sản	4.287.125	16.981.986	39.366.852	5.472.341	4.635.554	10.408.210	20.161.719	4.529.183	105.842.970
NỢ PHẢI TRẢ									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	631.457	4.359.200	1.860	-	34.953	-	5.027.470
Tiền, vàng gửi và vay từ các TCTD khác	-	-	7.924.959	5.918.233	2.053.373	1.502.817	-	-	17.399.382
Tiền gửi của khách hàng	-	713.634	25.270.795	11.769.846	8.783.893	13.227.609	2.804.396	45.515	62.615.688
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	55.233	237.691	20.404	-	-	313.328
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	137.000	137.000
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	3.000.000	297.331	-	3.297.331
Các khoản nợ khác	-	2.054.257	-	-	-	-	-	-	2.054.257
Tổng nợ phải trả	-	2.767.891	33.827.211	22.102.512	11.076.817	17.750.830	3.136.680	182.515	90.844.456
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	4.287.125	14.214.095	5.539.641	(16.630.171)	(6.441.263)	(7.342.620)	17.025.039	4.346.668	14.998.514
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng	-	-	64.619	78.079	16.417	32.835	(50.000)	-	141.950
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	4.287.125	14.214.095	5.604.260	(16.552.092)	(6.424.846)	(7.309.785)	16.975.039	4.346.668	15.140.464

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD ..) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND và đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác ngoài VND và đô la Mỹ. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái với các ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	<i>Mức tăng tỷ giá (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế triệu đồng</i>
USD	4,00%	(17.050)
EUR	4,00%	(10.058)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	<i>EUR được quy đổi</i>	<i>USD được quy đổi</i>	<i>Các ngoại tệ khác được quy đổi</i>	<i>Tổng</i>
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc đá quý	113.476	178.198	208.610	500.284
Tiền gửi tại NHNN	-	527.173	-	527.173
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác - gộp	337.271	1.067.273	65.930	1.470.474
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	-	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác - gộp	24.580	2.648.635	-	2.673.215
Cho vay khách hàng - gộp	-	2.706.654	-	2.706.654
Mua nợ - gộp	-	39.792	-	39.792
Các tài sản Có khác - gộp	2.069	126.702	8.973	137.744
Tổng tài sản	477.396	7.294.427	283.513	8.055.336
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	36.813	-	36.813
Tiền, vàng gửi và vay từ các TCTD khác	259.388	4.345.405	676	4.605.469
Tiền gửi của khách hàng	342.212	3.579.579	121.850	4.043.641
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	152.437	152.437
Các khoản nợ khác	343	67.654	179	68.176
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	601.943	8.029.451	275.142	8.906.536
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(124.547)	(735.024)	8.371	(851.200)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(126.903)	308.766	76.545	258.408
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(251.450)	(426.258)	84.916	(592.792)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo nhu cầu thanh toán, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng nguồn rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động huy động vốn, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng xây dựng bộ chỉ số theo dõi các dấu hiệu sự cố rút tiền hàng loạt nhằm theo dõi, cảnh báo sớm rủi ro. Đồng thời Ngân hàng cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay/đi vay các TCTD và các khoản tiền gửi/cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Trong thực tế, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn của khách hàng có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư tài sản cố định, góp vốn mua cổ phần được coi là dài hạn do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Thời gian đến hạn của các giao dịch phái sinh được xác định theo kỳ hạn hợp đồng trên cơ sở bù trừ giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra theo từng dài kỳ hạn;
- ▶ Thời gian đến hạn của các tài sản có khác và tài sản nợ khác được xếp loại căn cứ vào đặc điểm của từng loại tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.529.021	-	-	-	-	1.529.021
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.212.421	-	-	-	-	2.212.421
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác - gộp	219.450	-	3.304.342	2.023.670	5.385.000	633.000	-	11.565.462
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	149.429	-	-	-	-	149.429
Mua nợ	-	39.793	-	-	-	10.070	-	49.863
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	196.922	-	-	-	-	196.922
Chứng khoán Chính phủ & Chứng khoán do TCTD phát hành - gộp	-	-	3.511.981	-	800.600	18.702.925	6.945.935	29.961.441
Cho vay khách hàng - gộp	1.724.305	1.848.371	1.137.859	2.723.093	5.599.533	10.509.543	4.548.616	28.091.320
Chứng khoán do TCKT phát hành - gộp	-	-	2.744	300.000	4.599.101	13.884.953	627.385	19.414.183
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	9.251	9.251
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	823.094	823.094
Bất động sản đầu tư	-	-	955.502	-	-	-	-	955.502
Tài sản Có khác - gộp	241.206	214.000	239.822	8.221.880	933.574	885.924	148.655	10.885.061
Tổng tài sản	2.184.961	2.102.164	13.240.043	13.268.643	17.317.808	44.626.415	13.102.936	105.842.970
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	631.456	4.359.200	1.860	-	34.954	5.027.470
Tiền, vàng gửi và vay từ các TCTD khác	-	-	7.924.960	5.918.232	3.556.190	-	-	17.399.382
Tiền gửi của khách hàng	-	-	25.270.817	11.769.846	22.011.502	3.518.008	45.515	62.615.688
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	77.063	236.265	-	-	313.328
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	137.000	137.000
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	500.000	297.331	2.500.000	3.297.331
Các khoản nợ khác	-	-	1.103.886	276.814	654.551	19.004	2	2.054.257
Tổng nợ phải trả	-	-	34.931.119	22.401.155	26.960.368	3.834.343	2.717.471	90.844.456
Mức chênh thanh khoản ròng	2.184.961	2.102.164	(21.691.076)	(9.132.512)	(9.642.560)	40.792.072	10.385.465	14.998.514

(d) *Rủi ro giá cả thị trường khác*

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

43. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
 - *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

 - a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, và các khoản phải trả.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

▪ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Tiền mặt, vàng bạc đá quý	-	-	-	-	1.529.021	1.529.021	1.529.021
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	2.212.421	2.212.421	2.212.421
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	-	11.565.462	-	-	11.565.462	(*)
Chứng khoán kinh doanh	196.922	-	-	-	-	196.922	117.063
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	-	-	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	28.091.320	-	-	28.091.320	(*)
Mua nợ	-	-	49.863	-	-	49.863	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	39.092.073	-	39.092.073	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	10.283.551	-	-	-	10.283.551	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	10.311.021	-	-	10.311.021	(*)
Đầu tư dài hạn	-	-	-	9.251	-	9.251	(*)
	196.922	10.283.551	50.017.666	39.101.324	3.741.442	103.340.905	(*)

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Đi vay và phải trả	Sẵn sàng để bán	Công nợ và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	5.027.470	5.027.470	5.027.470
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	17.041.619	-	357.763	17.399.382	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	50.699.448	-	11.916.240	62.615.688	(*)
Công cụ tài chính phái sinh	163.899	-	-	-	-	163.899	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà TCTD chịu rủi ro	-	-	137.000	-	-	137.000	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	3.297.331	-	-	-	3.297.331	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	1.976.481	-	-	1.976.481	(*)
	163.899	3.297.331	69.854.548	-	17.301.473	90.617.251	(*)

(*) Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính

44. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

45. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**45.1 Sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (“MDB”) vào Ngân hàng**

Ngày 19 tháng 4 năm 2014, Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng số 22/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án sáp nhập MDB vào Ngân hàng.

Ngày 18 tháng 3 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Công văn số 1607/NHNN-TTGSNH chấp thuận nguyên tắc việc sáp nhập MDB vào Ngân hàng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 1391/QĐ-NHNN chấp thuận chính thức sáp nhập MDB vào Ngân hàng. Quyết định có hiệu lực từ ngày 12 tháng 8 năm 2015.

45.2 Mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành văn bản số 1161/QĐ-NHNN chấp thuận việc Ngân hàng mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam (“TFC”) và chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty này thành Công ty TNHH một thành viên do Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 7 năm 2015.

46. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>đồng</u>	<u>đồng</u>
USD	21.890	21.246
EUR	24.580	26.013
GBP	33.358	33.303
CHF	22.767	21.635
JPY	179,74	179,03
SGD	15.914	16.197
CAD	16.222	18.444
AUD	16.409	17.507

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Mã	Họ tên	CMT - ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Tổng số CP	% cổ phần	Thành tiền	Tên người đại diện
1	CDPN1	Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	0100684378	8/17/2010	KH - ĐT Hà Nội	71.577.141	6,092	715.771.410.000	Lê Thị Liên
2	CDPN90	Cty TNHH Đầu Tư Phúc Tiến	0800852204	10/26/2012	Sở KHĐT Hải Dương	76.620.000	6,521	766.200.000.000	Đặng Quang Hậu
		Tổng cộng				148.197.141	12,613	1.481.971.410.000	

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH/PGD NĂM 2015



38

TỈNH THÀNH

270

CHI NHÁNH
PGD

01. An Giang
02. Bà Rịa Vũng Tàu
03. Bắc Giang
04. Bắc Ninh
05. Bình Định
06. Bình Dương
07. Bình Thuận
08. Cà Mau
09. Cần Thơ
10. Đà Nẵng
11. Đắk Lắk
12. Đồng Nai
13. Đồng Tháp
14. Hà Nam
15. Hà Nội
16. Hà Tĩnh
17. Hải Dương
18. Hải Phòng
19. Huế
20. Khánh Hoà
21. Kiên Giang
22. Lâm Đồng
23. Long An
24. Nam Định
25. Nghệ An
26. Ninh Bình
27. Phú Thọ
28. Phú Yên
29. Quảng Bình
30. Quảng Nam
31. Quảng Ninh
32. Tây Ninh
33. Thái Bình
34. Thái Nguyên
35. Thanh Hóa
36. Tiền Giang
37. TP. HCM
38. Vĩnh Phúc



Vững Nền Tảng, Chắc Tương Lai

www.msb.com.vn